

LỜI MỞ ĐẦU

Dù kinh doanh trong lĩnh vực nào, Lợi nhuận luôn là mục tiêu mà các doanh nghiệp theo đuổi. Tuy nhiên để đạt được mục tiêu này đòi hỏi phải có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các khâu từ tổ chức quản lý đến sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ. Do vậy tổ chức sản xuất tiêu thụ hợp lý, hiệu quả đã và đang trở thành một vấn đề bao trùm toàn bộ hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Cũng như bao doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường, Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách luôn quan tâm tới việc tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận cao nhất cho công ty

Xuất phát từ cách nhìn trên và từ mặt lý luận, thực tiễn đặt ra kế toán doanh thu cần phải được tổ chức một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó tại công ty, công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng luôn được chú trọng đổi mới nhằm phát huy tác dụng trong cơ chế thị trường. Tuy vậy không phải là không có vấn đề khó khăn cần tháo gỡ. Em đã chọn đề tài “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách” cho bài khóa luận của mình. Bài khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Trong quá trình thực tập tại phòng kế toán Công ty cổ phần Cảng Vật Cách, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú cán bộ công nhân viên trong công ty. Em xin chân thành bày tỏ lòng cảm ơn tới ban lãnh đạo công ty, các phòng ban và đặc biệt các cô, các anh chị trong phòng kế toán công ty. Em

xin chân thành cảm ơn Tiến sĩ Giang Thị Xuyên đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình hoàn thành bài báo cáo này.

Do thời gian thực tập có hạn và kiến thức còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong được các thầy cô giáo bộ môn cũng như các anh các chị phòng kế toán công ty góp ý kiến để khóa luận thêm phong phú về mặt lý luận và thiết thực về mặt thực tiễn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG

VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1.1 Lý luận chung về doanh thu

1.1.1.1 Khái niệm về doanh thu

Khái niệm về doanh thu: Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các khoản giảm trừ doanh thu:

Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu

Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán

1.1.1.2 Các loại doanh thu:

➤ **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm giá hàng bán, doanh thu của số hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại và số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hay thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp.

➤ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc một công ty, Tổng công ty.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kì, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế

đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền

1.1.1.3 Điều kiện và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và Thu nhập khác” và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan

Khi ghi nhận một khoản doanh thu phải tuân thủ nguyên tắc ghi nhận một khoản chi phí tương đương có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và Thu nhập khác” doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện:

- ✧ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- ✧ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lí hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hay quyền kiểm soát hàng hóa
- ✧ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- ✧ Doanh thu đã thu được hay sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- ✧ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Đối với các giao dịch về cung cấp dịch vụ, chuẩn mực cũng quy định:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kì thì doanh thu được ghi nhận trong kì theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kì đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- ✧ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- ✧ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- ✧ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

✧ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu

Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: Doanh thu bán hàng; doanh thu cung cấp dịch vụ; doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng khoản doanh thu, như doanh thu bán hàng có thể được chi tiết thành doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa....nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và Lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Nếu trong kì kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kì kế toán

Về nguyên tắc, cuối kì kế toán, doanh nghiệp phải xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ doanh thu thuần thực hiện trong kì kế toán được kết chuyển vào Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Phương pháp để xác định doanh thu

- Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hay sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hay hàng bán bị trả lại

- Giá trị hợp lý là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá

- Đối với các khoản tiền hay tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỉ lệ

lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu

Khi hàng hóa hoặc dịch vụ trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm. Khi không xác định được giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về thì doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

1.1.1.4 Ý nghĩa và vai trò của doanh thu

Doanh thu là cơ sở để có kết quả kinh doanh, nó có vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân

Nói đến doanh thu, trước hết ta phải nói đến quá trình tiêu thụ của doanh nghiệp. Vì vậy, tiêu thụ tốt sẽ góp phần làm tăng doanh thu, tăng tốc độ chu chuyển vốn của doanh nghiệp, làm cho đồng vốn kinh doanh không bị ứ đọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo

Qua quá trình tiêu thụ doanh nghiệp thu về khoản doanh thu bán hàng. Đó là nguồn thu quan trọng, chủ yếu để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải cho số vốn đã bỏ ra, có tiền để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ, công nhân viên và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

Đối với các doanh nghiệp, doanh thu bao gồm nhiều loại khác nhau, phát sinh từ các hoạt động khác nhau. Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là bộ phận doanh thu chủ yếu, chiếm tỉ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp

Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp làm tăng vốn chủ, có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con

Doanh thu còn là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức tăng sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.2 Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1 Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Khái niệm: Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa, nâng cấp; chi phí cho thuê hoạt động; chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản xuất đầu tư); chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.2.2 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định bằng công thức sau:

Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh	=	DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	+	DT hoạt động tài chính	-	CP hoạt động tài chính	-	CPBH và QLDN tính cho hàng tiêu thụ trong kì
---	----------	--	----------	---------------------------------	----------	-----------------------------------	----------	---------------------------------------	----------	---

Trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác không tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác

<i>LN khác</i>	=	<i>Thu nhập khác</i>	-	<i>Chi phí khác</i>
-----------------------	---	-----------------------------	---	----------------------------

Kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp chính là lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế TNDN được xác định bằng công thức sau:

<i>LN kế toán trước thuế</i>	=	<i>LN thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	+	<i>LN khác</i>
---	---	--	---	-----------------------

<i>LN sau thuế TNDN</i>	=	<i>LN trước thuế TNDN</i>	-	<i>CP thuế TNDN</i>
------------------------------------	---	--------------------------------------	---	----------------------------

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kì có thể mang giá trị âm hay dương(lỗ hay lãi). Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính

1.1.2.3 Ý nghĩa và vai trò việc xác định kết quả kinh doanh

Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định doanh thu chi phí trong kì của doanh nghiệp nói riêng. Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kì sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh doanh nghiệp mình

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh trung thực giúp đơn vị đánh giá xác

thực về tình hình hoạt động, nắm được điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị từ đó xác định vị trí của đơn vị trên thương trường cũng như chu kì sống của đơn vị

1.1.2.4 Chi phí liên quan để xác định kết quả kinh doanh

Để xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp ta cần xác định được các chi phí liên quan như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...

Giá vốn hàng bán: Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ

Chi phí bán hàng: Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Thuộc cho phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí hoạt động tài chính: Là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...

Chi phí khác: Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế,...

1.1.3 Yêu cầu quản lý, nhiệm vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Yêu cầu quản lý:

Dựa vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh lưu ý những yêu cầu sau:

- Quản lý tình hình hiện có và sự biến động của sản phẩm hàng hóa theo chỉ

tiêu số lượng, chất lượng và giá trị của chúng

- Quản lý về số lượng và giá cả của sản phẩm hàng hóa bán ra
- Khai thác và mở rộng thị trường, áp dụng các phương thức bán hàng khác nhau để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp
- Quản lý chặt chẽ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các khoản chi phí khác phát sinh trong kì

Nhiệm vụ:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước về tình hình phân phối kết quả các hoạt động
- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kì phân tích các hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả

1.2 TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu

Các phương thức bán hàng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:* Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu
- *Phương thức gửi hàng:* Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng

gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi

nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp

- *Phương thức bán thông qua đại lý*: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán

- *Phương thức bán hàng trả góp*: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

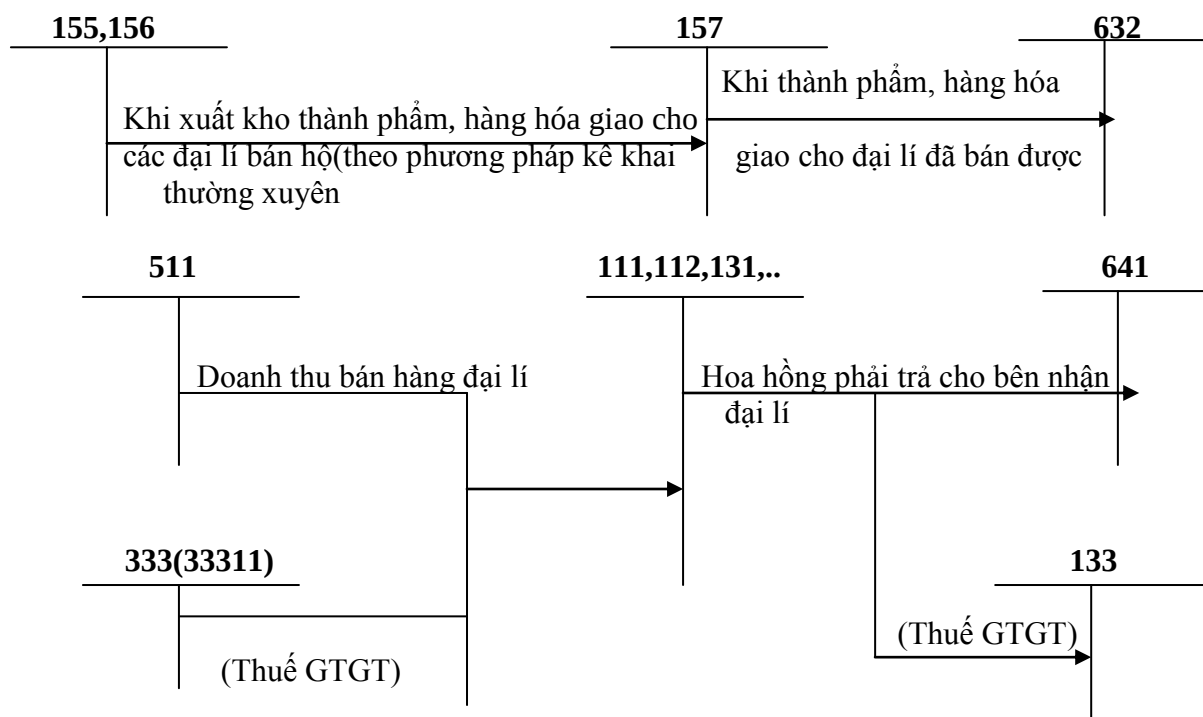
- *Phương thức bán hàng trả chậm*: Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ

- *Phương thức bán hàng đổi hàng*: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào

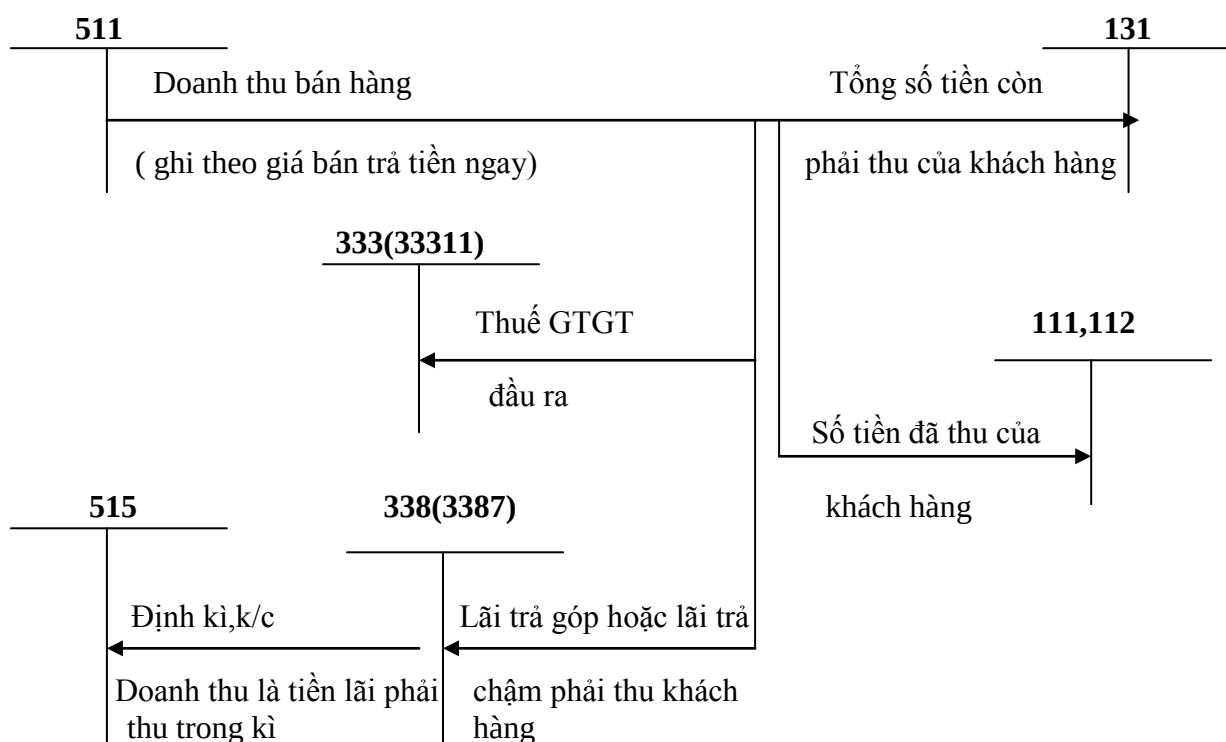
Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán bán hàng thông qua đại lý

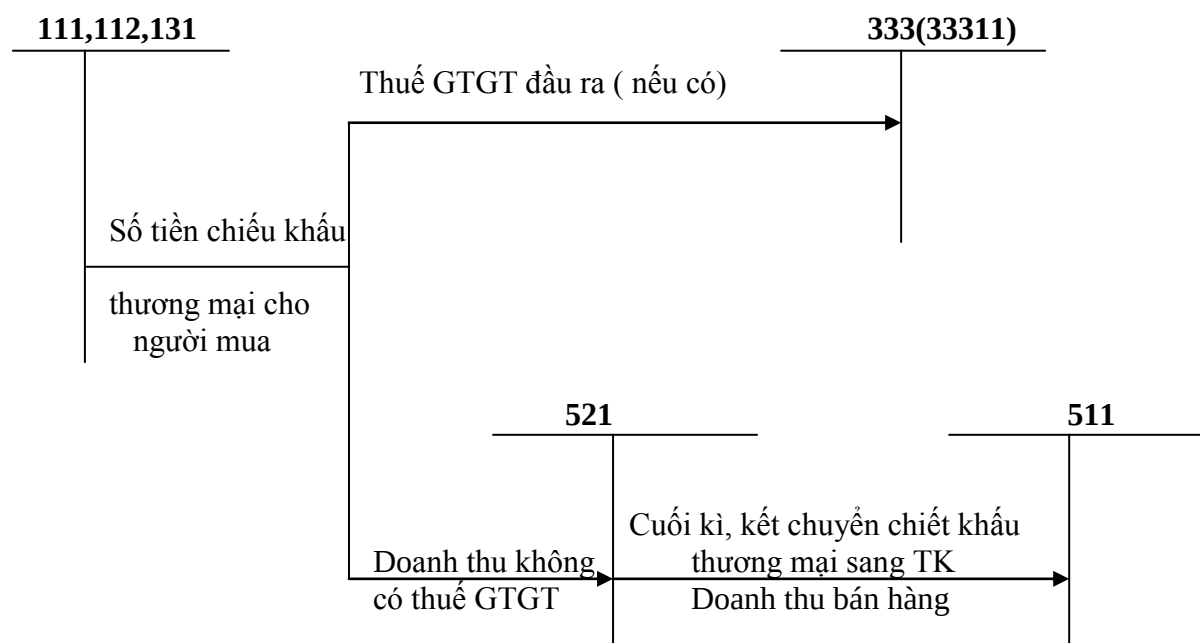
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.2 :Quy trình hạch toán bán hàng theo phương thức trả chậm(hoặc trả góp)



Sơ đồ 1.3 :Quy trình hạch toán chiết khấu thương mại
(Doanh nghiệp áp dụng theo phương pháp khấu trừ)



■ **Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Nguyên tắc hạch toán:

- Với sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT
- Với sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hay chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán(giá bán bao gồm cả thuế GTGT
- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán(giá bán bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hay thuế xuất khẩu)
- Doanh thu nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kì kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua

vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kì hay nhiều kì kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định theo phương thức cho thuê hoạt động....

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ(Hóa đơn thông thường – Mẫu số 02 GTKL – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

- Hóa đơn GTGT(Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Bảng thanh toán hàng đại lí, kí gửi (Mẫu số 14- BH)

- Thẻ quỹ hàng (Mẫu số 15- BH)

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Séc chuyển khoản, Séc thanh toán, Ủy nhiệm thu, Giấy báo có của ngân hàng, Bảng sao kê của ngân hàng...)

- Chứng từ kế toán khác có liên quan như: Phiếu xuất kho bán hàng, Phiếu nhập kho hàng trả lại, Hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ...)

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 5 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

■ **Kế toán tiêu thụ nội bộ**

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc một công ty, Tổng công ty

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5121- Doanh thu bán hàng hóa

+ Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm

+ Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

■ **Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà người bán đã thanh toán hay sẽ thanh toán cho người mua vì lí do người mua hàng với khối lượng lớn đã được thỏa thuận trước trong hợp đồng hay trong cam kết mua bán

Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán trong kỳ báo cáo

Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm

Thuế xuất khẩu : Là loại thuế đánh vào doanh thu của tất cả các hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam

Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế tiêu dùng vì không phục vụ thiết thực cho đời sống xã hội

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp của hàng đã tiêu thụ: Là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp tính trên doanh thu của hàng hóa đã tiêu thụ trong kì theo mức thuế suất đã quy định, doanh nghiệp đã hạch toán toàn bộ vào doanh thu

Doanh thu BH thuần	=	DT bán hàng	-	Chiết khấu TM	-	DT BH bị trả lại	-	Giảm giá hàng bán	-	Thuế TTĐB, thuế XK phải nộp, thuế GTGT trực tiếp
-------------------------------	----------	------------------------	----------	--------------------------	----------	-----------------------------	----------	------------------------------	----------	---

■ **Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính: Dùng phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kì, không phân biệt doanh thu đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- + Tiền lãi: như lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi hàng bán trả chậm; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu; lãi cho thuê tài chính; chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ...
- + Thu nhập từ cho thuê tài sản kinh doanh bất động sản đầu tư
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia
- + Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- + Thu về chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng
- + Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- + Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỉ giá
- + Chênh lệch lãi do chuyển nhượng vốn
- + Các khoản doanh thu hoạt động khác

Chứng từ sử dụng: Phiếu thu, Séc thanh toán, Séc chuyển khoản, Giấy báo có ngân hàng, Sổ phụ ngân hàng, Bảng sao kê của ngân hàng

■ **Kế toán doanh thu hoạt động khác**

Tài khoản 711- Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hay không có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hay là những khoản thu không mang tính thường xuyên

Nội dung của thu nhập được quy định tại chuẩn mực doanh thu và thu nhập khác. Thu nhập khác doanh nghiệp, gồm:

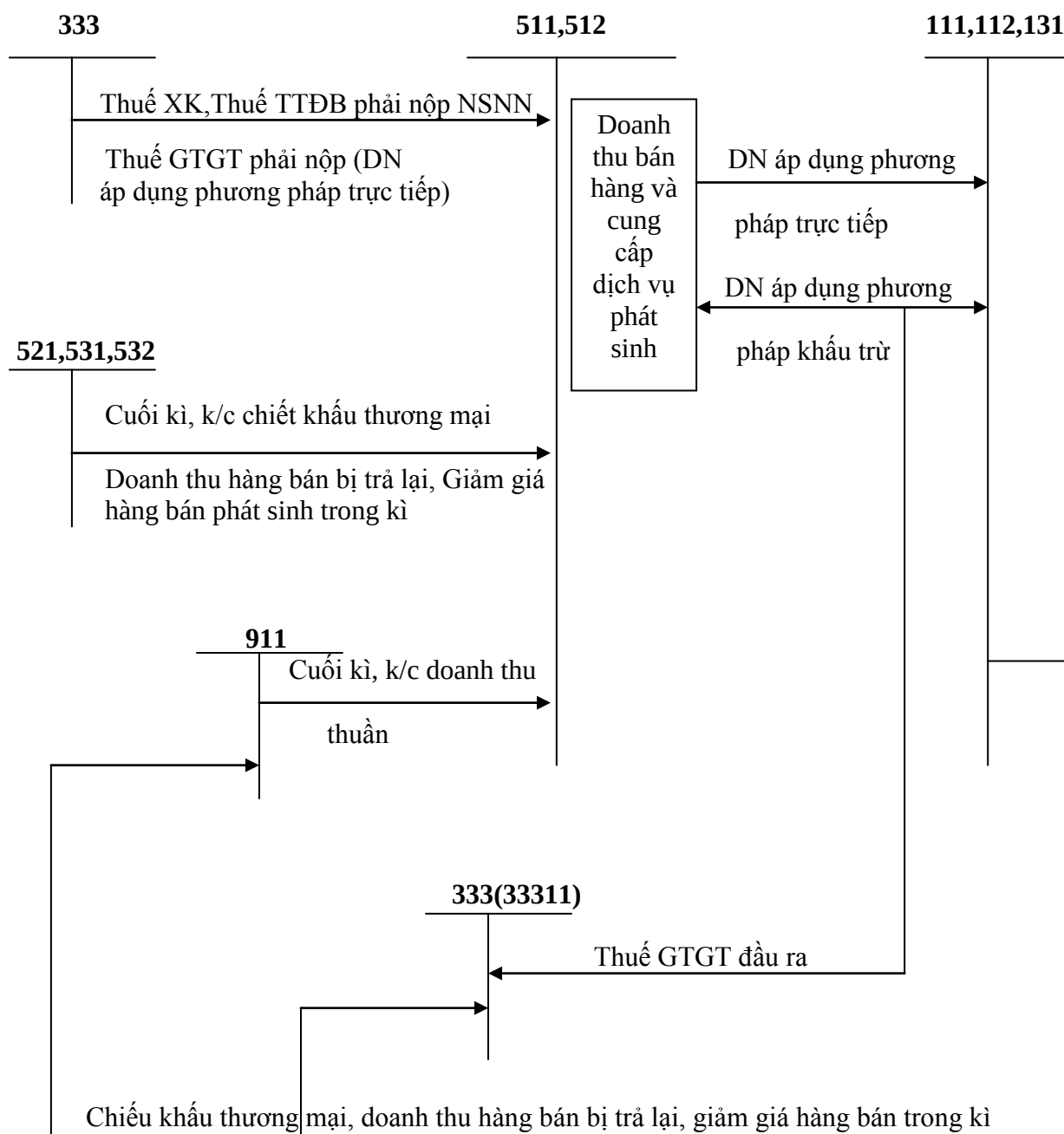
- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- + Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- + Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng

- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- + Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm dịch vụ không tính trong doanh thu(nếu có)
- + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- + Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra

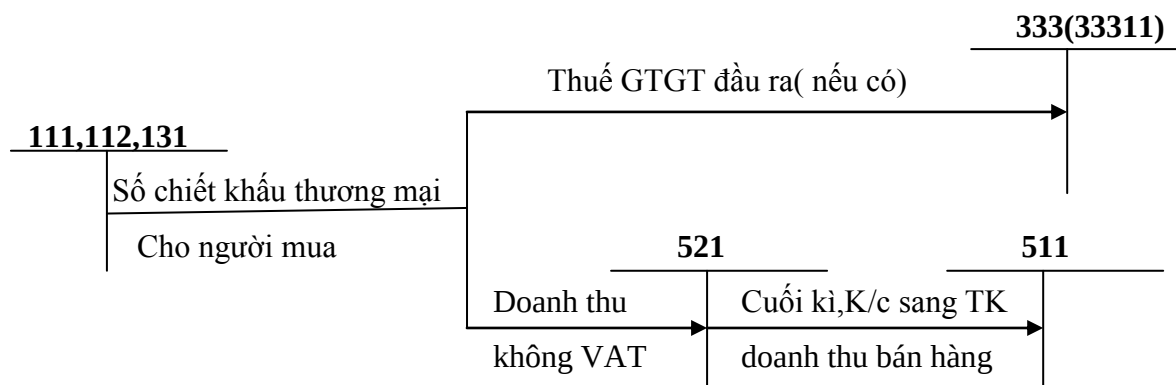
Chứng từ sử dụng: Biên bản đánh giá lại tài sản, Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ, Biên bản góp vốn, Biên bản bàn giao TSCĐ

Quy trình hạch toán:

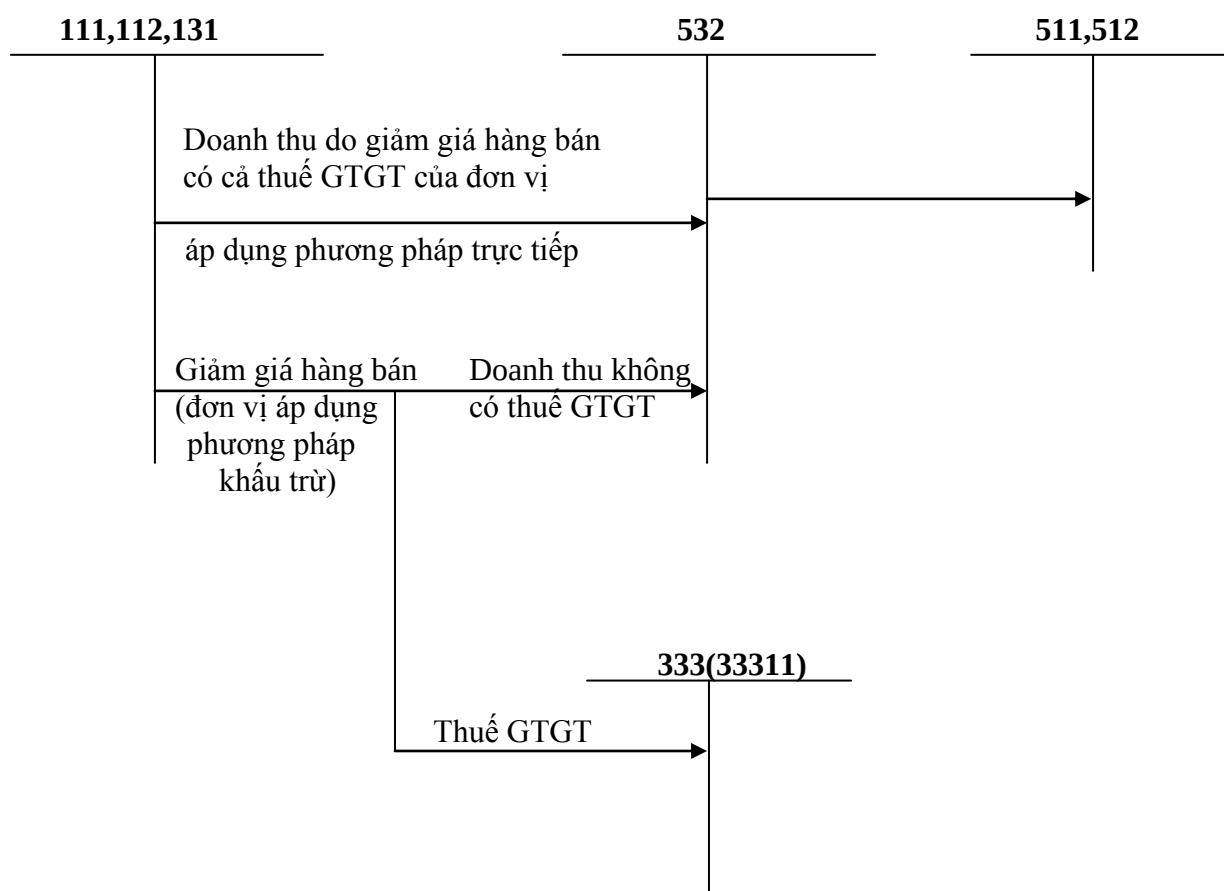
Sơ đồ 1.4: Quy trình hạch toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



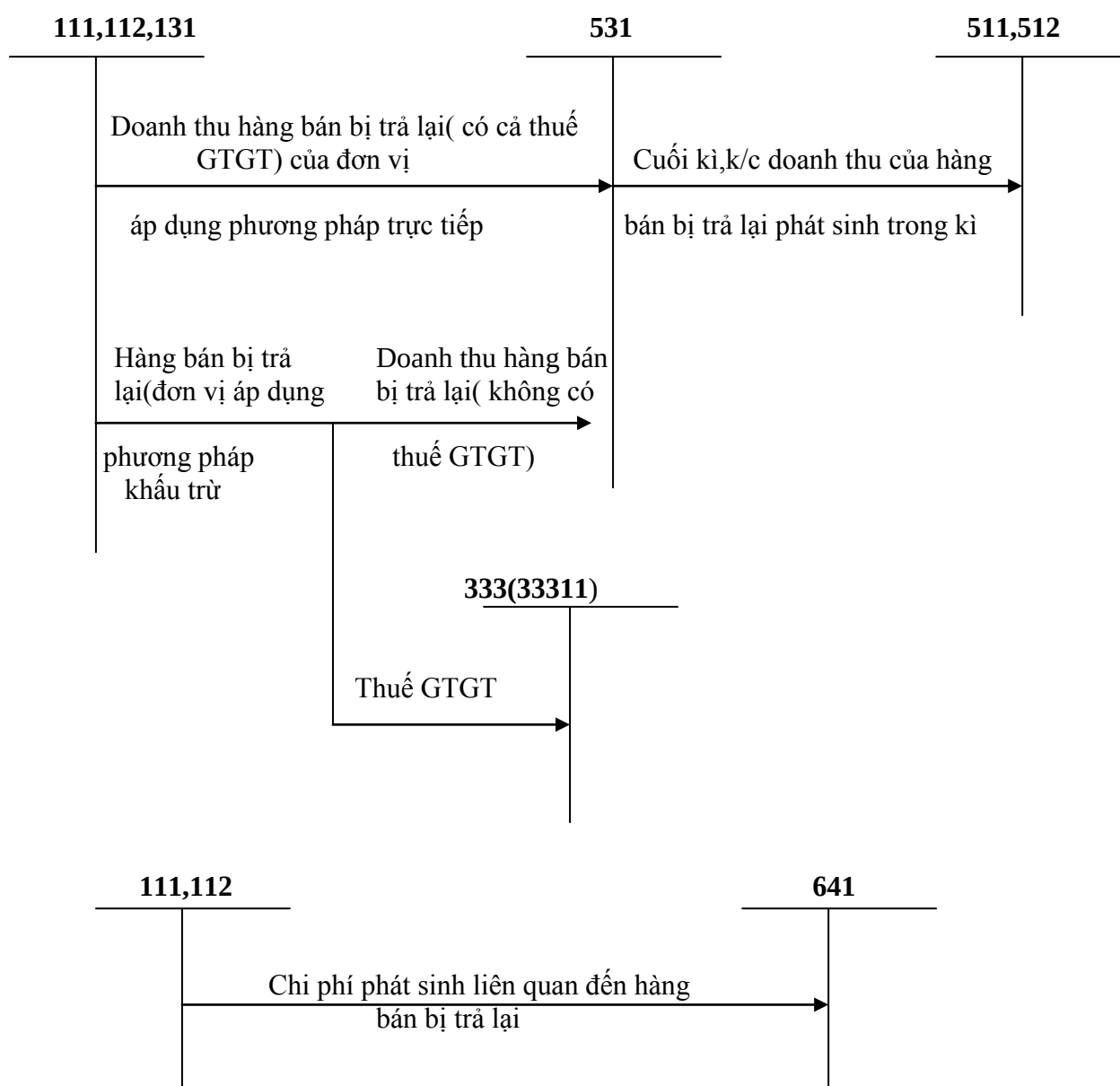
Sơ đồ 1.5 :Quy trình hạch toán chiết khấu thương mại
(Doanh nghiệp áp dụng theo phương pháp khấu trừ)



Sơ đồ 1.6: Quy trình hạch toán giảm giá hàng bán



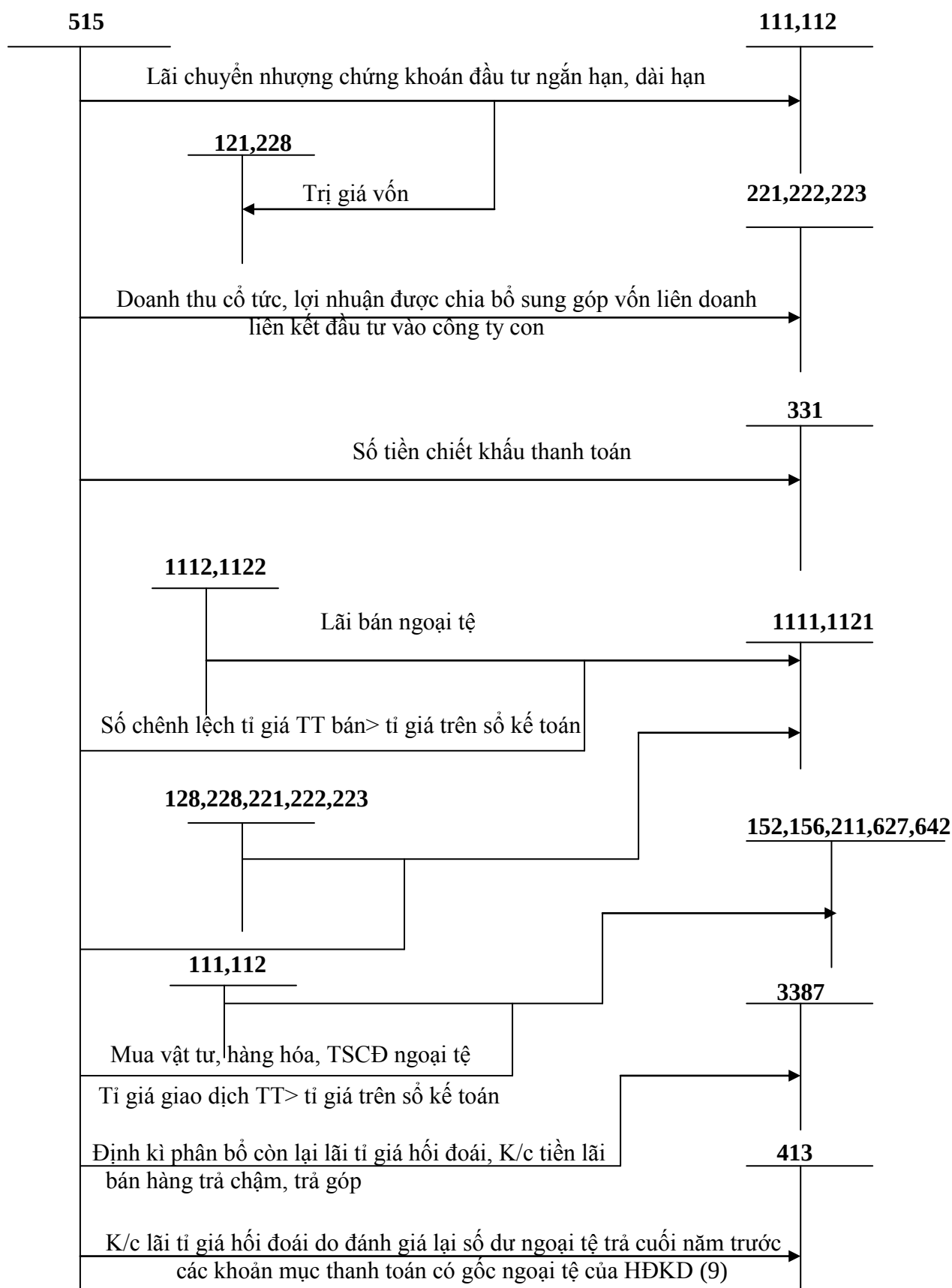
Sơ đồ 1.7: Quy trình hạch toán hàng bán bị trả lại



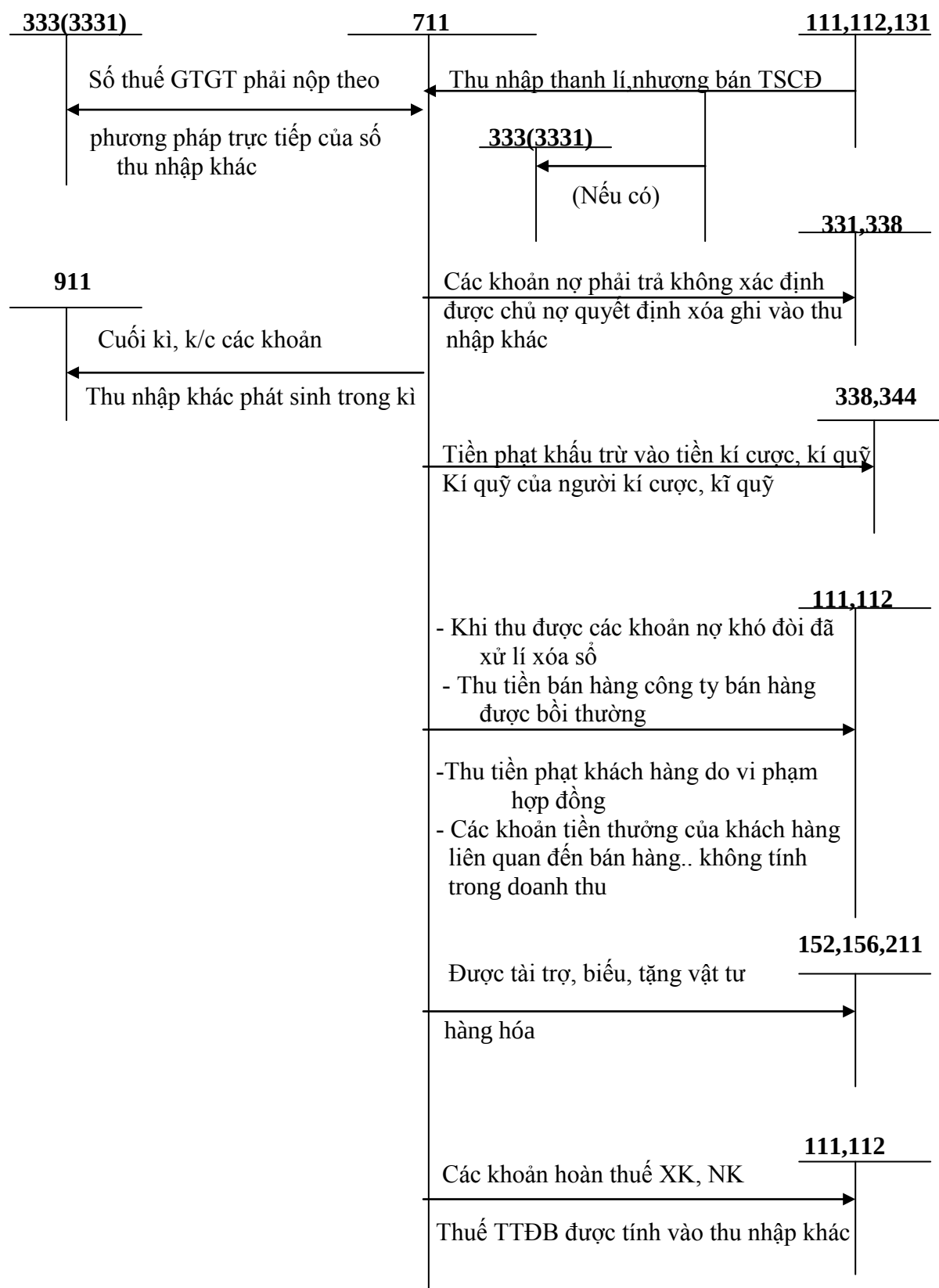
Chú ý:

TK 531 chỉ phản ánh giá trị của số hàng bán bị trả lại (Tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn) và số lượng hàng trả lại. Các chi khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641 “ Chi phí bán hàng”

Sơ đồ 1.8 :Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.9 :Quy trình hạch toán thu nhập khác



1.2.2 Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

Nguyên tắc hạch toán:

Xác định kết quả kinh doanh phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kì kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (Hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính....). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển và tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần

<i>Kết quả bán hàng</i>	=	<i>Doanh thu thuần</i>	-	<i>Giá vốn hàng bán</i>	-	<i>Chi phí bán hàng</i>	-	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>
--------------------------------	----------	-------------------------------	----------	--------------------------------	----------	--------------------------------	----------	--

Trong đó:

<i>Doanh thu thuần</i>	=	<i>Tổng DT tiêu thụ hàng hoá</i>	-	<i>Giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại</i>	-	<i>Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu</i>
-------------------------------	----------	---	----------	--	----------	--

Để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán sử dụng TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” và TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” và một số tài khoản khác

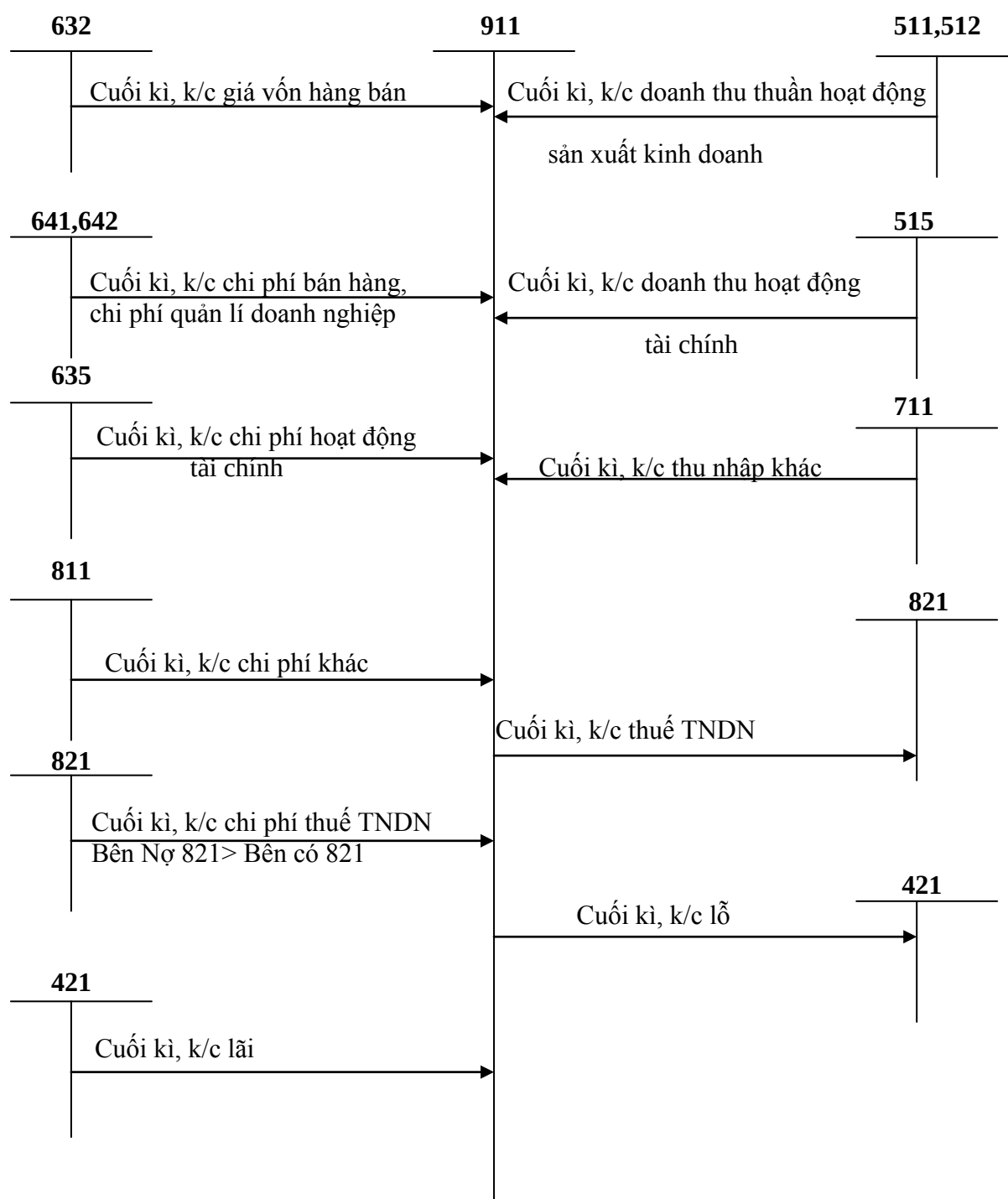
Chứng từ sử dụng: Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh và một số các số liên quan khác

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh - TK khoản này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.10 :Quy trình hạch toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh



Để xác định kết quả kinh doanh ta phải xác định được các chi phí liên quan giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lí doanh nghiệp...

1.2.2.1 Giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng xuất kho để bán:

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm:
Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

** Phương pháp tính theo giá đích danh*

Theo phương pháp này thì khi xuất kho nguyên vật liệu căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó để tính ra trị giá vốn của nguyên vật liệu xuất kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng, các loại hàng có tính tách biệt cao.

** Phương pháp bình quân gia quyền*

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

<i>Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho</i>	=	<i>Số lượng hàng xuất kho</i>	*	<i>Đơn giá bình quân</i>
---	----------	--	----------	---------------------------------

<i>Đơn giá bình quân</i>	=	<i>Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ</i>	+	<i>Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ</i>
		<i>Số lượng hàng tồn đầu kỳ</i>	+	<i>Số lượng hàng nhập trong kỳ</i>

** Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)*

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng

** Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)*

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên

Chứng từ sử dụng:

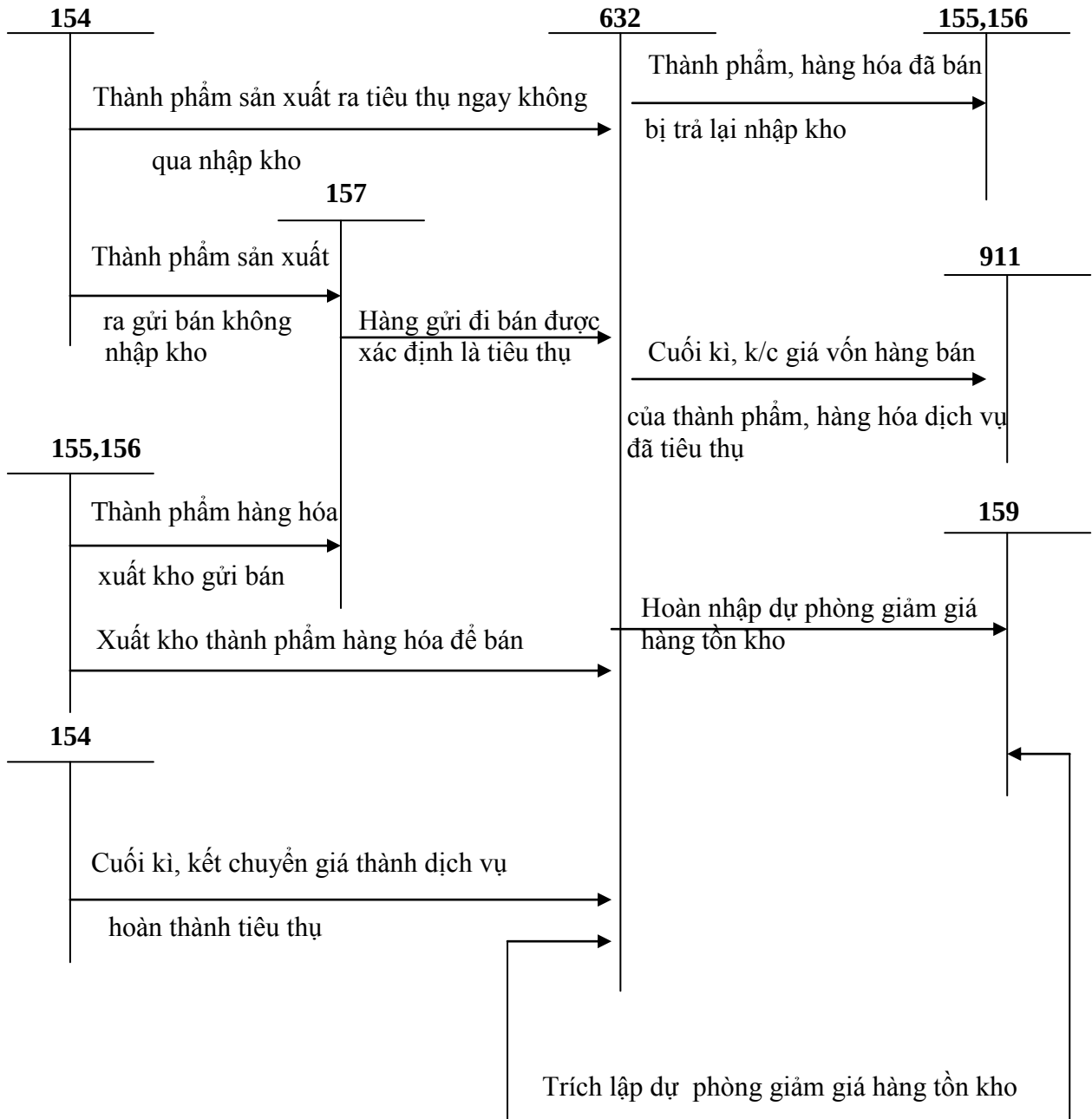
Khi phát sinh các nghiệp vụ về bán hàng và thanh toán tiền hàng với người mua phải có chứng từ phù hợp để phản ánh chính xác, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán, đồng thời là cơ sở pháp lý để ghi sổ kế toán. Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, kế toán tiêu thụ sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 – GTKT – 3LL)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu số 02 – GTGT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- Hóa đơn bán hàng giao thẳng, báo cáo bán hàng
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Bảng thanh toán hàng đại lí
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

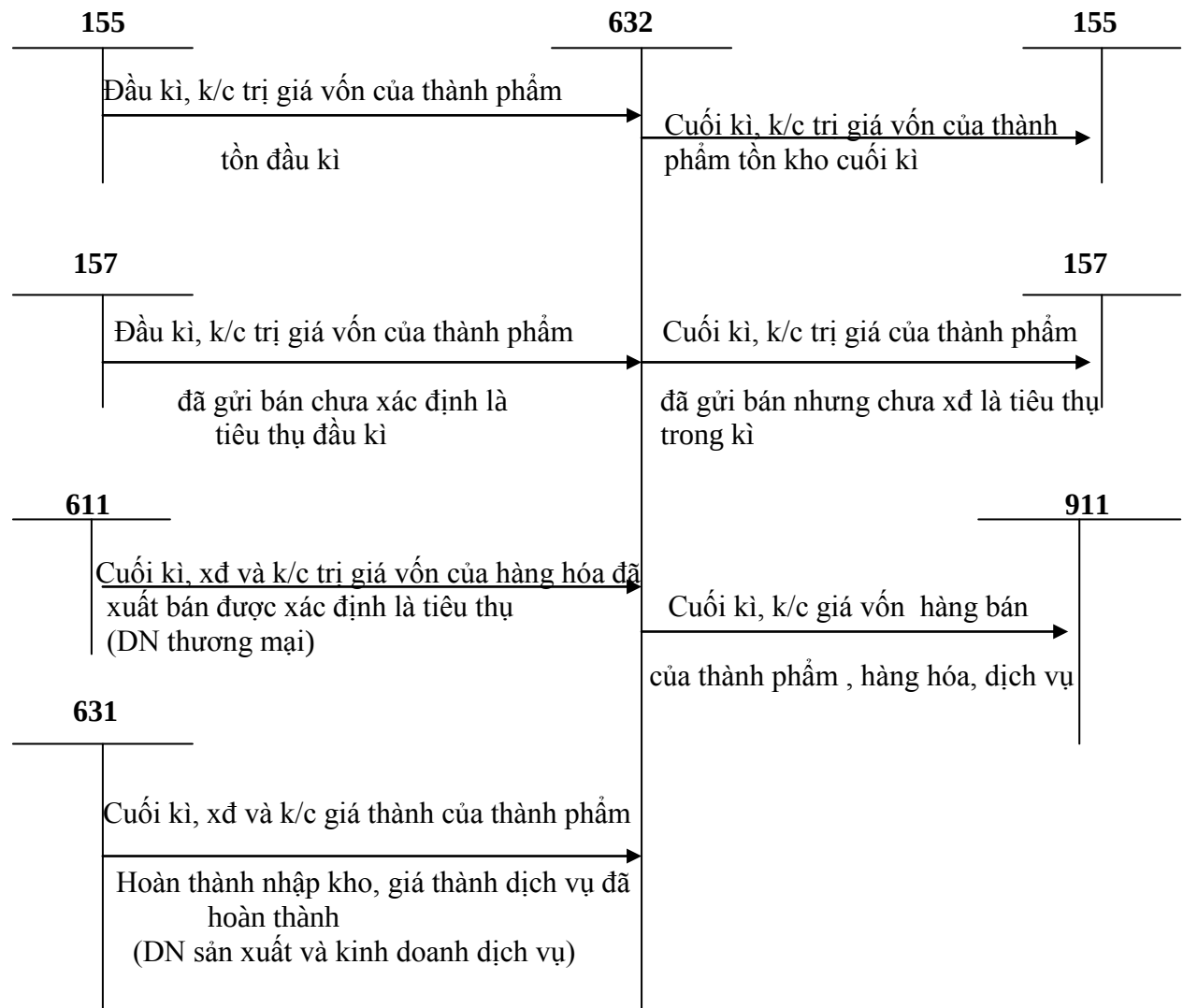
Tài khoản sử dụng: TK 632 – Giá vốn hàng bán

Quy trình hạch toán

**Sơ đồ 1.11: Quy trình hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu về giá vốn
theo phương pháp kê khai thường xuyên**



Sơ đồ 1.12: Quy trình hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu về giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kì



1.2.2.2 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng: Là các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ các loại sản phẩm hàng hóa, dịch vụ như: Tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng, bảo quản, đóng gói, vận chuyển, khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng, chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng. Chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác như quảng cáo, giao dịch, giao hàng, hoa hồng bán hàng...

Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

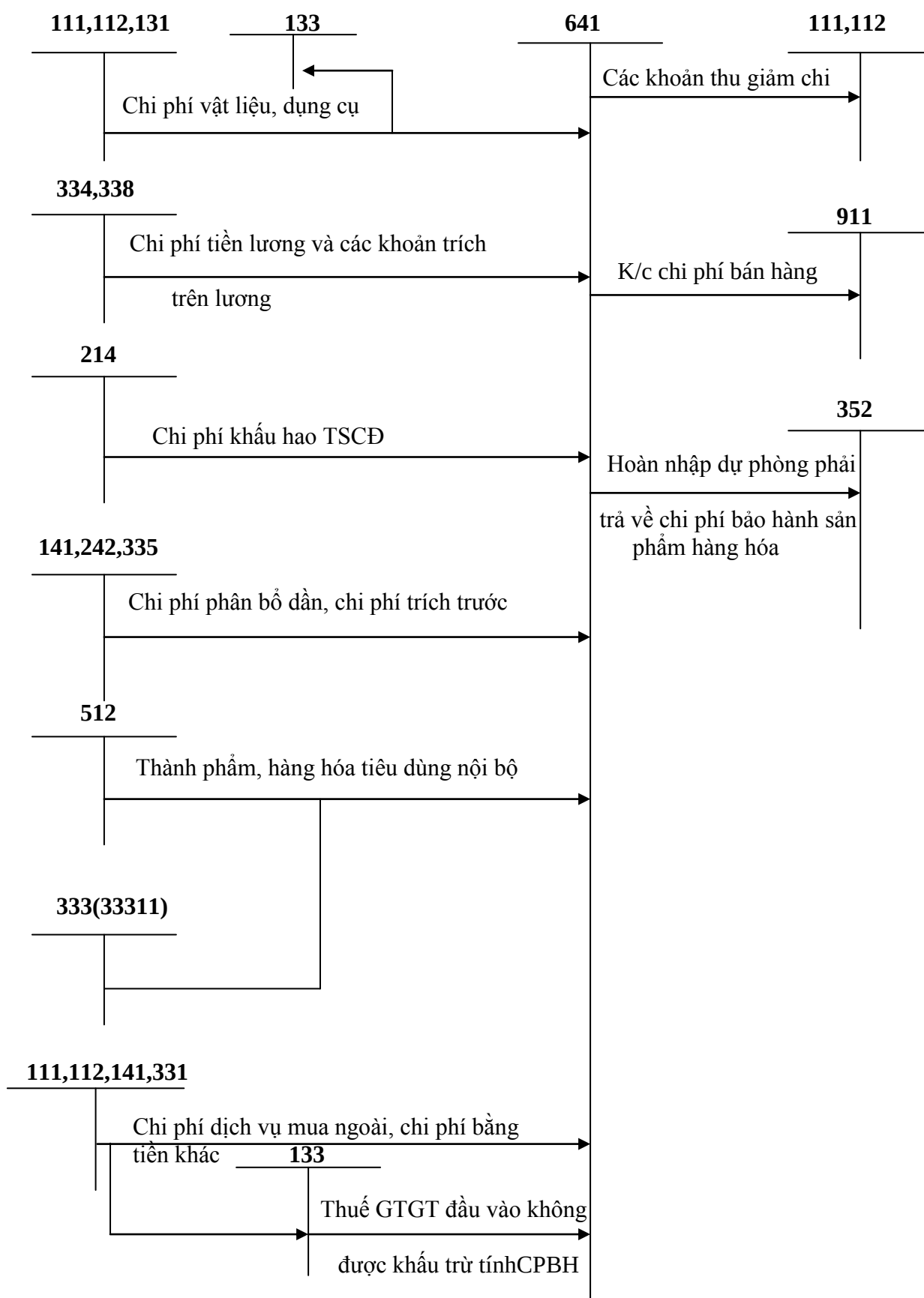
Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng, có 7 tài khoản cấp 2:

- + TK 6411- Chi phí nhân viên
- + TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415 - Chi phí bảo hành
- + TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua
- + TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác

Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.13 Quy trình hạch toán chi phí bán hàng



1.2.2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính quản lý các chi phí chung khác có liên quan đến hoạt động của toàn doanh nghiệp như: Tiền lương và các chi phí tính theo lương của ban giám đốc và nhân viên quản lý ở các phòng ban, chi phí vật liệu đồ dùng cho văn phòng, khấu hao TSCĐ, các khoản thuế, phí, lệ phí...

Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKL – 3LL)
- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 02 GTGT – 3LL)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

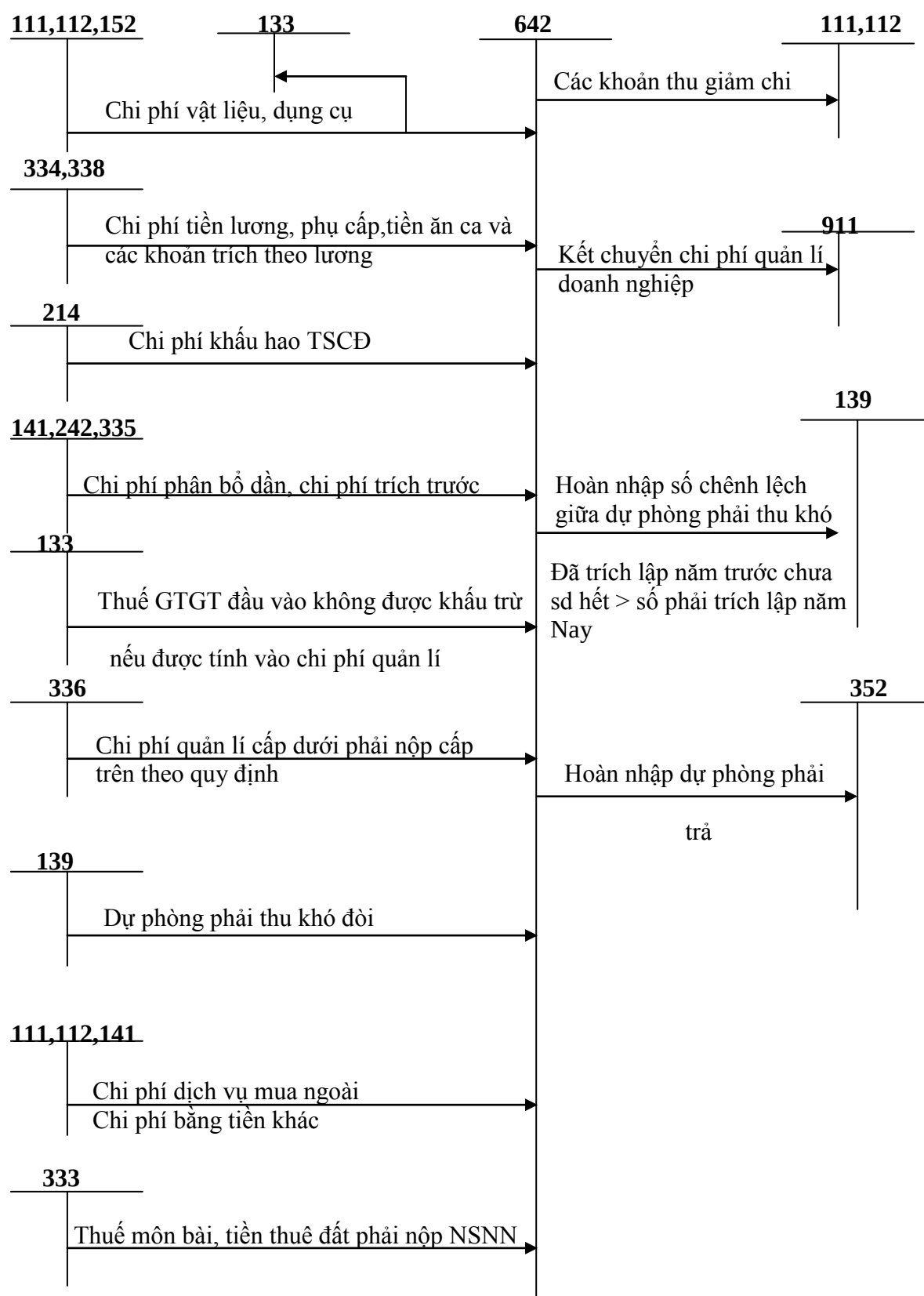
Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.14 Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Tài khoản 821- có 2 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài khoản 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

+Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối

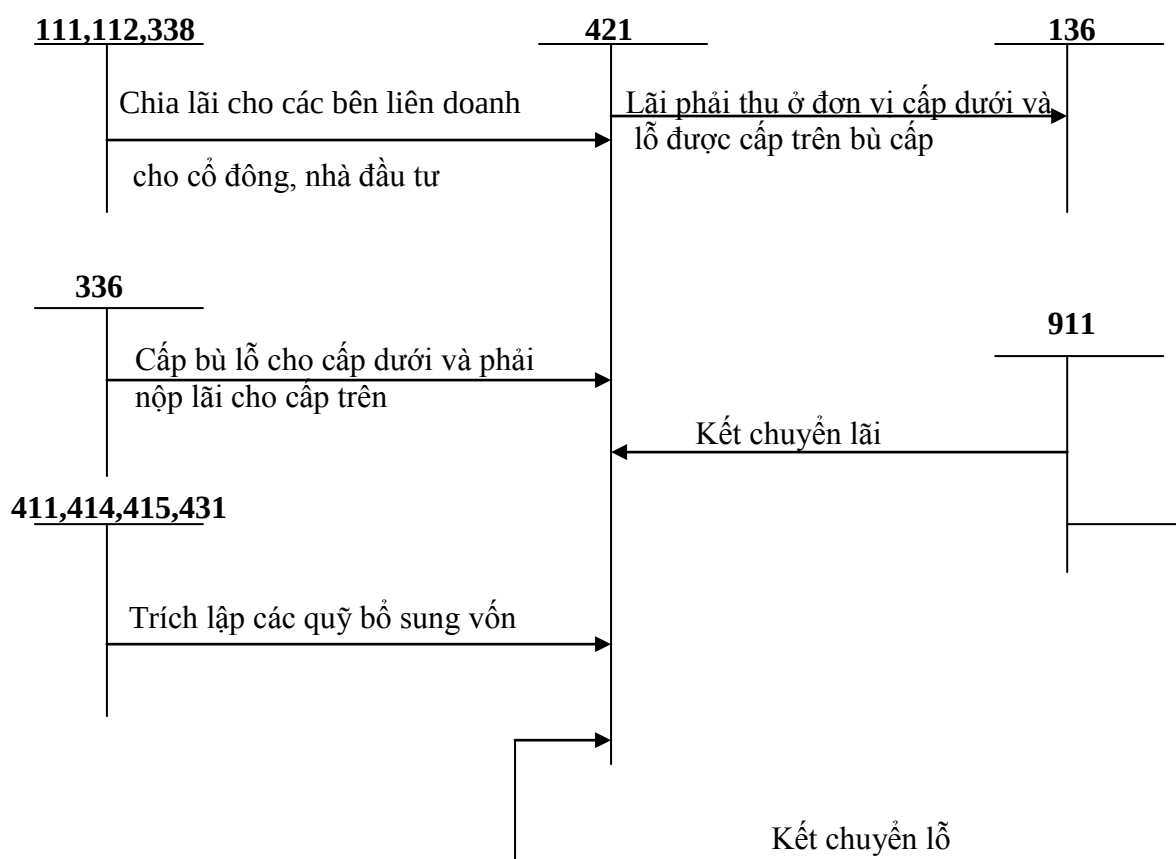
Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phân phối xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Tài khoản cấp 2: 4211- Lợi nhuận năm trước

4212 - Lợi nhuận năm nay

Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.15: Quy trình hạch toán lợi nhuận chưa phân phối



1.3 HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN SỬ DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán lựa chọn một hình thức phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng một trong các hình thức sổ kế toán như sau:

- + HÌNH THỨC NHẬT KÍ CHUNG
- + HÌNH THỨC NHẬT KÍ – SỔ CÁI
- + HÌNH THỨC CHỨNG TỪ - GHI SỔ
- + HÌNH THỨC NHẬT KÍ – CHỨNG TỪ
- + HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH

Để phục vụ cho chương 2 của bài khóa luận em xin đi sâu vào hình thức Nhật ký chung

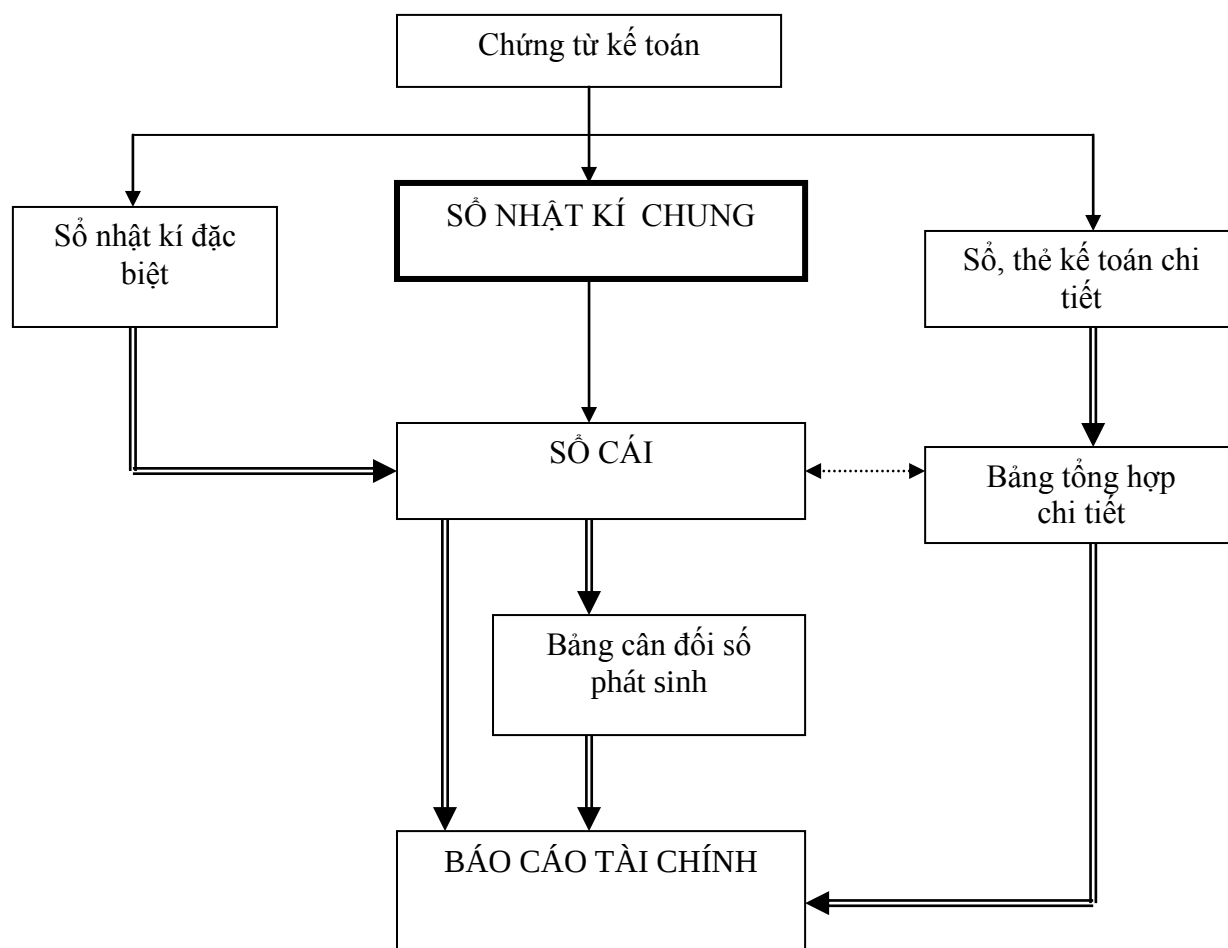
- + HÌNH THỨC NHẬT KÍ CHUNG

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt (Sổ nhật ký thu tiền, Sổ nhật ký chi tiền, Sổ -nhật ký mua hàng, Sổ nhật ký bán hàng)
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Biểu số 1.1
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÍ CHUNG



Ghi chú:

Ghi hàng ngày 

Ghi cuối tháng, hoặc định kì 

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra 

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

2.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Tên Công ty viết bằng tiếng việt: Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Tên Công ty giao dịch bằng tiếng anh: Vat Cach Port Joint Stock Company

Trực thuộc: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam

Trong vùng quản lý hàng hải của cảng vụ: Hải Phòng

Vị trí cảng: $20^{\circ}53'16''$ N – $106^{\circ}36'48''$ E

Địa chỉ: Km 9- Đường 5 - Phường Quán Toan - Quận Hồng Bàng - Thành phố
Hải Phòng

Tel: (84.31) 3850018

Fax: (84.31) 3850026

Email: Vat Cach port @ vnn.vn

Vốn điều lệ: 12.000.000.000

Tài khoản: 02001010024480 tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Hàng Hải
Việt Nam

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách có trụ sở tại Km 9 - Đường 5 – Quán Toan - Hồng Bàng - Hải Phòng. Vị trí bãi Cảng nằm ở hữu ngạn sông Cửa Cấm, cách Hải Phòng về phía thượng lưu 12 Km, có chế độ thủy triều là nhật triều với mức nước cao nhất là 4m, đặc biệt cao 4,23m, mực nước thủy triều thấp nhất là 0,48m, đặc biệt thấp nhất là 0,23m. Cảng nằm cách xa trung tâm thành phố, luồng lạch ra ào còn nhiều hạn chế do dọ bồi đắp phù sa lớn, do vậy hàng năm Cảng phải thường xuyên nạo vét khơi thông dòng chảy để đảm bảo cho tàu ra vào được thuận lợi.

Xí nghiệp xếp dỡ Vật Cách bắt đầu được xây dựng từ năm 1968, ban đầu chỉ là những bến cảng thuộc dạng mố cầu có diện tích mặt bến (8mx8m). Xí nghiệp có 5 mố cầu bằng, lúc đầu chỉ có một lượng phương tiện rất thô sơ và lạc hậu, lao động

thủ công đánh than, làm các loại hàng rời là chủ yếu. Do tình hình của đất nước ngày càng có nhu cầu cao hơn về xếp dỡ các mặt hàng tại xí nghiệp. Xí nghiệp đã cơ cấu lại tổ chức và có biện pháp đổi mới mua sắm thêm các thiết bị để đáp ứng với yêu cầu của chủ hàng và phục vụ đất nước. Trong công cuộc đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc. Năm 1968 – 1975 Xí nghiệp cũng là nơi trung chuyển vũ khí chiến lược, lương thực phục vụ chi viện giải phóng Miền Nam thống nhất Tổ quốc và góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Xí nghiệp xếp dỡ Vật Cách là một thành viên của Cảng Hải Phòng, nằm cách xa trung tâm Cảng, vì vậy trong công cuộc đôi lúc còn gặp rất nhiều khó khăn, phương tiện kỹ thuật lạc hậu. Song cùng với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Xí nghiệp, Xí nghiệp đã ngày càng được đổi mới. Xí nghiệp đã đầu tư mua thêm nhiều thiết bị nâng cấp có tính năng tác dụng rất cao trong khâu xếp dỡ hàng hoá. Từ đó đáp ứng nhu cầu của thị trường, chủ hàng, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên trong toàn xí nghiệp, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước ngày một cao hơn.

2.1.2 Tình hình của doanh nghiệp khi tiến lên cổ phần hóa

Thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước chuyển đổi nền kinh tế thị trường theo định hướng của Nhà nước. Cảng Hải Phòng đã thực hiện đúng chủ trương đó tách Xí nghiệp xếp dỡ Vật Cách ra khỏi cảng Hải Phòng. Ngày 03 tháng 07 năm 2002 theo quyết định số 2080/2002/QĐBGTVT

Xí nghiệp xếp dỡ Vật Cách được chuyển đổi thành công ty Cổ phần Cảng Vật Cách. Công ty được thành lập với nguồn vốn điều lệ là 12 tỷ đồng Việt Nam (trong đó có 30% vốn của Cảng Hải Phòng, còn lại 70% vốn do các cổ đông trong Công ty đóng góp). Kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2002 Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Đến thời điểm cổ phần hoá số lao động trong công ty là 226 người lao động trong đó:

- ★ Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học
- ★ Cán bộ có trình độ trung cấp
- ★ Công nhân kỹ thuật

★ Nhân viên

★ Ngoài ra công ty còn có một lực lượng ký hợp đồng thời vụ theo từng vụ việc khi cần thiết

★ Tổng diện tích đất đai, nhà xưởng thuộc công ty đang quản lý

2.1.3 Đặc điểm sản xuất kinh doanh và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

2.1.3.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh

a. Chức năng nhiệm vụ

- + Ký hợp đồng xếp dỡ, giao nhận bảo quản lưu kho hàng hóa với chủ hàng
- + Phụ trách việc xếp dỡ, bảo quản hàng hóa, nhận chuyển và giao hàng hóa cho chủ hàng và cho các tàu bè được chủ hàng ủy nhiệm vận chuyển
- + Dẫn dắt các tàu ra vào cảng và cung cấp các thứ cần thiết cho tàu(nguyên liệu dầu, mỏ, than, củi) và sửa chữa tàu, kể cả tàu nước ngoài
- + Xây dựng tu bổ các công trình thuộc phạm vi cảng đảm bảo tàu đi lại thuận tiện an toàn (xây dựng bến, vét lòng lạch, sửa chữa phao đeo đường vận chuyển). Bảo quản thiết bị và sửa chữa các phương tiện hoạt động của cảng tàu, ca nô, xà lan, cầu, các phương tiện vận chuyển bộ trong cảng
- + Thi hành các luật pháp, điều lệ và chính sách, chủ trương của chính phủ của Bộ Giao Thông và Bưu điện đối với Cảng Vật Cách
- + Giao hàng xuất khẩu cho phương tiện vận tải và nhận hàng nhập khẩu từ phương tiện vận tải nếu được ủy thác
- + Kế toán việc giao nhận hàng nhập khẩu và lập các chứng từ cần thiết tiến hành xếp dỡ vận chuyển bảo quản lưu kho hàng hóa

b. Các ngành kinh doanh chính của công ty

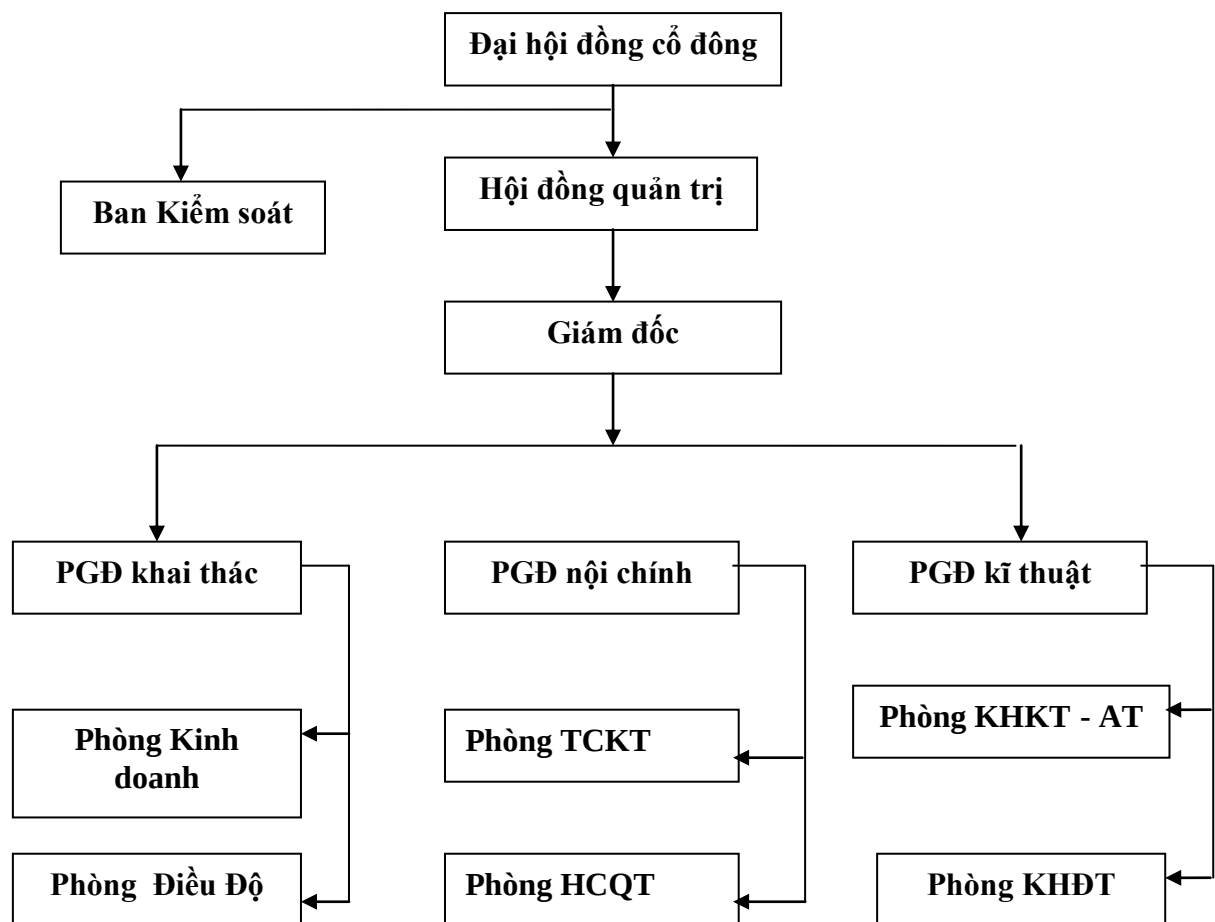
- + Dịch vụ xếp dỡ Hàng hoá (Chuyên làm các hàng: hàng sắt thép, hàng bao, hàng rời, hàng thiết bị và một số loại hàng khác ...)
- + Kinh doanh cho thuê Kho, bến, bãi để chứa hàng.
- + Dịch vụ đại lý vận tải và giao hàng hoá thông qua Cảng
- + Vận tải hàng hoá đa phương thức

2.1.3.2 Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty

Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Công ty cổ phần Cảng Vật Cách luôn quan tâm đến việc kiện toàn bộ máy quản lý sao cho phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng, từ Giám đốc công ty đến các phòng, phân xưởng, đội. Qua đó chức năng quản lý được chuyên môn hoá, tận dụng được năng lực của các cán bộ chuyên viên đầu ngành trong từng lĩnh vực. Các quyết định của bộ phận chức năng chỉ có ý nghĩa về mặt hành chính đối với các bộ phận trực tuyến khi đã thông qua người lãnh đạo cao nhất hay được người lãnh đạo cao nhất uỷ quyền. Các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ trên đưa xuống đảm bảo chất lượng được giao

Sơ đồ 2.1: SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC



Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương, chính sách đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong việc

phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra ban quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan thay mặt đại hội đồng cổ đông quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi Công ty, trừ những vấn đề thuộc đại hội đồng cổ đông quyết định. Định hướng chính sách tồn tại và phát triển thông qua hoạch định các chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát: Do đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty nhằm bảo vệ các lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Giám đốc: Giám đốc là người đứng đầu Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và toàn bộ cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về kế hoạch, mục tiêu, chiến lược sản xuất kinh doanh và điều hành, kiểm tra các hoạt động của Công ty. Giúp việc cho Giám đốc gồm có 3 Phó Giám đốc là: Phó Giám đốc khai thác, Phó Giám đốc nội chính và Phó Giám đốc kỹ thuật.

Phòng kinh doanh : Có nhiệm vụ lập kế hoạch, tiếp thị, khai thác nguồn hàng, phụ trách công tác hợp đồng.

Phòng kế hoạch Điều Độ: Có nhiệm vụ sắp xếp kế hoạch khai thác như sắp xếp tàu, bố trí phương tiện, công nhân để làm hàng.

Phòng tổ chức Hành chính quản trị: Thực hiện công việc quản lý nhân sự như tuyển dụng lao động, giải quyết chính sách, chế độ cho người lao động thực hiện công tác quản trị hành chính.

Phòng Khoa học Kỹ thuật – An toàn: Có nhiệm vụ kiểm tra kỹ thuật, mua sắm vật tư đảm bảo sản xuất kịp thời. Kiểm tra việc thực hiện quy trình công nghệ, cải tiến, nâng cao năng suất và hiệu quả công việc. Có kế hoạch đào tạo nhân lực, phân bậc trình độ để sử dụng các nhân viên kỹ thuật vào những vị trí

hợp lý, hiệu quả.

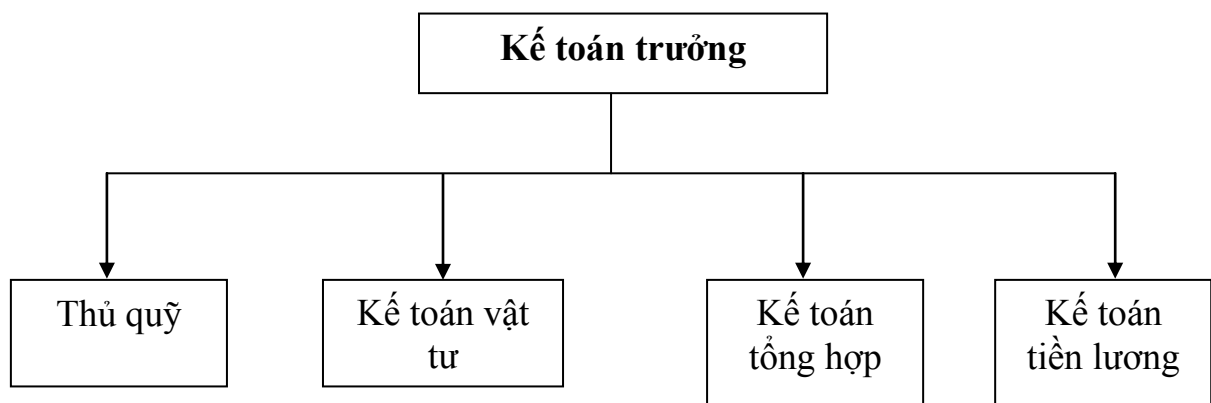
Phòng Kế hoạch đầu tư: Có nhiệm vụ tham mưu, giúp Giám đốc lập kế hoạch xây dựng và thực hiện các công trình, hạng mục đầu tư trong Công ty.

2.1.4 Cơ cấu tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

2.1.4.1 Đặc điểm, nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán công ty được tổ chức theo hình thức tập trung toàn bộ công việc kế toán của công ty được thực hiện tại phòng kế toán, tại các đội ở kho hàng, đội cơ giới, không bộ phận kế toán riêng, họ chỉ có nhiệm vụ xử lý các chứng từ ban đầu, định kỳ phải gửi lên phòng kế toán. Phòng kế toán có nhiệm vụ kiểm tra phân loại các chứng từ ban đầu, xử lý ghi vào sổ sách kế toán, hệ thống hóa số liệu, thực hiện các báo cáo tài chính định kỳ theo tháng, theo quý năm để cung cấp thông tin kế toán cho các cổ đông nhà lãnh đạo công ty từ đó đưa ra những định hướng cụ thể về kinh tế tài chính cho công ty. Đồng thời, có nhiệm vụ cung cấp thông tin cho các bộ, ban ngành có liên quan, cơ quan thuế và các đối tác bên ngoài. Thực hiện các quyết toán tài chính với các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định. Mở đầy đủ các sổ sách kế toán và ghi chép hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Sơ đồ 2.2 : SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC KẾ TOÁN



Toàn bộ phòng kế toán – tài chính có 5 cán bộ công nhân viên được tổ chức thành 2 phòng là phòng kế toán trưởng và phòng kế toán. Mỗi thành viên trong phòng được phân công những nhiệm vụ cụ thể như sau:

Kế toán trưởng

Là người đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, các cổ đông, giám đốc công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty

đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.

Thủ quỹ

Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu, chi các chứng từ thanh toán đã được phê duyệt, thu tiền hàng, tiền cước phí bến bãi, trả lương cho cán bộ công nhân viên.

Kế toán vật tư

Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các vật tư nhập vào và xuất ra

Kế toán tổng hợp

Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu, do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kì. Lập báo cáo tháng, quý, năm, lập báo cáo tài chính.

Kế toán tiền lương

Là nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung(đối với khối lao động gián tiếp lương tính trên phần trăm doanh thu thu được, đối với khối lao động trực tiếp lương tính theo sản phẩm).Hàng tháng tính đến các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ).

2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng

Để đáp ứng yêu cầu quản lý và tạo điều kiện cho công tác được thuận lợi công ty Cổ phần Cảng Vật Cách áp dụng hình thức kế toán “ NHẬT KÍ CHUNG” cho phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của công ty

1. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
3. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính
4. Hình thức sổ kế toán áp dụng: SỔ NHẬT KÍ CHUNG
5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hoá.
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá đích danh.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính theo quyết định 206/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/12/2003.

2.1.4.3 Hình thức sổ kế toán

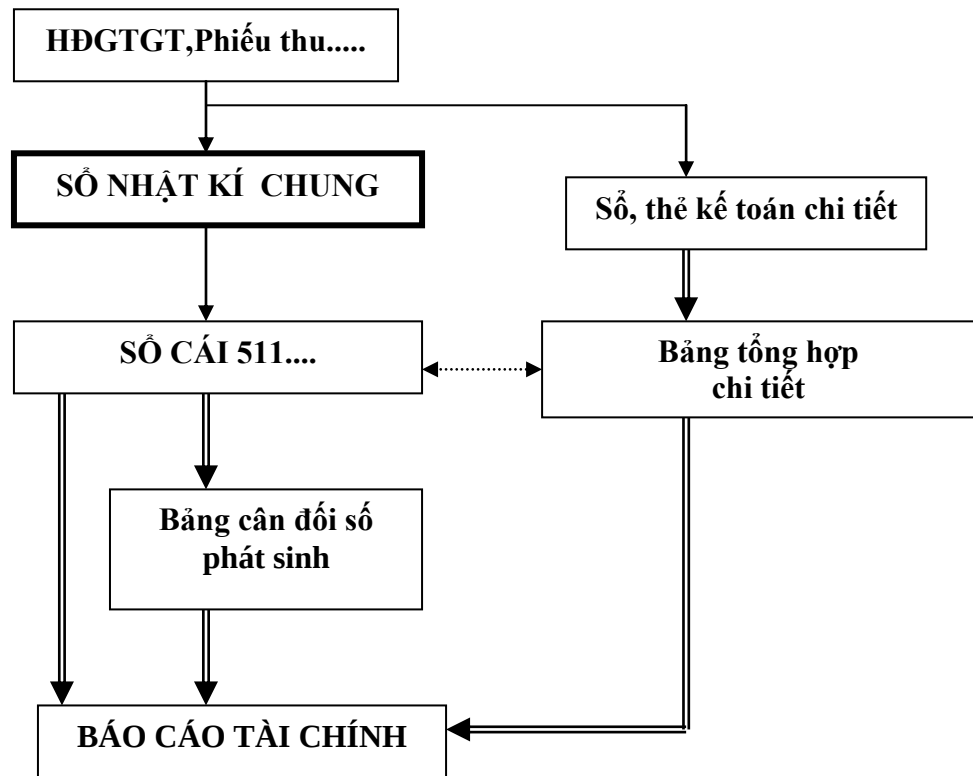
Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, hiện nay công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều được ghi vào Sổ Nhật Ký Chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh

Hệ thống sổ sách mà công ty đang sử dụng:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ cái các tài khoản
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Biểu số 2.1

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÍ CHUNG

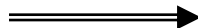


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kì



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



2.2 THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

2.2.1 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

2.2.1.1 Đặc điểm doanh thu tại công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Công ty cổ phần Cảng Vật Cách kinh doanh dịch vụ nên doanh thu chủ yếu của công ty là các dịch vụ bốc xếp hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ đại lý vận tải

Dịch vụ bốc xếp các mặt hàng: Hàng rời, hàng bao, máy móc thiết bị. Bốc xếp hàng hóa chuyển từ tàu lên hoặc từ trên bãi xuống tàu. Các mặt hàng bốc xếp chính gồm phân bón, lương thực thực phẩm, sắt thép, xi măng, thạch cao, máy móc thiết

bị

Dịch vụ chuyển tải qua cầu cảng: Chuyển hàng từ tàu xuống sà lan tại vùng nước, bốc hàng từ sà lan lên bãi cảng hay lên thẳng phương tiện vận chuyển của cảng theo yêu cầu của chủ hàng

Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê kho bãi: Có thể lưu tại kho, lưu tại bãi tùy theo yêu cầu của chủ hàng. Doanh nghiệp có trách nhiệm bảo quản hàng hóa, giao hàng đúng quy định, đúng thời gian, giao đủ hàng theo như quy định và các điều khoản đã ký kết.

Dịch vụ chính của công ty Cảng Vật Cách hiện nay là mảng xếp dỡ hàng hóa chiếm tỉ trọng rất lớn trong tổng doanh thu của toàn doanh nghiệp

Thời điểm ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

- + Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi mà giao dịch đã được hoàn thành
- + Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn công ty thu được lợi ích kinh tế từ việc cung cấp dịch vụ đó

Cách xác định doanh thu:

Công ty là doanh nghiệp kinh doanh về dịch vụ mà đặc biệt là mảng xếp dỡ hàng hóa với nhiều mặt hàng khác nhau. Với tùy từng mặt hàng khác nhau mà công ty có phương án xếp dỡ cụ thể, công ty cũng đã đưa ra giá dịch vụ xếp dỡ cho một số hàng hóa thông thường. Việc tính doanh thu được thực hiện theo công thức như sau:

$$DT = SL \times g$$

Trong đó: DT: Doanh thu

Sl: sản lượng

g: đơn giá bốc xếp từng loại hàng hóa theo các phương án khác nhau

2.2.1.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ sử dụng:

- HDGTGT gồm 3 liên:
- + Liên 1: Màu tím lưu tại quyển hóa đơn
- + Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng

+ Liên 3: Màu xanh lưu nội bộ để ghi sổ và thanh toán

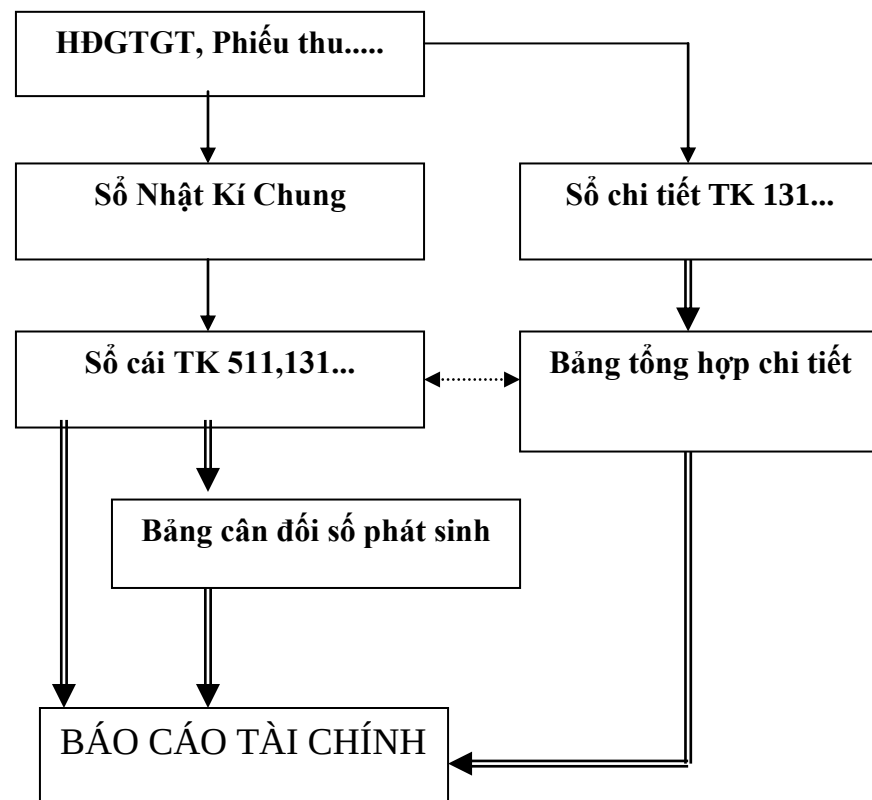
- Phiếu thu
- Phiếu xuất kho
- Bảng sao kê chi tiết của ngân hàng

Tài khoản sử dụng : TK 511 và TK 111,112,131,3331

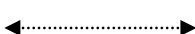
Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật kí chung
- Sổ cái TK 511
- Sổ cái TK liên quan

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày 
- Ghi cuối tháng 
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra 

Ví dụ

Ngày 10 tháng 12 năm 2009 phát sinh nghiệp vụ thu tiền cước xếp dỡ hàng gạo tàu Hà Hiền của Công ty TNHH Kim Phúc Hà, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt với tổng số tiền thanh toán là: 37.927.560 (thuế suất thuế VAT là 10%)

Nhân viên của tàu khai hàng tại kho hàng đến phòng kế hoạch để làm kế hoạch, phòng kế hoạch cử công nhân trực tiếp đi xác định trọng lượng hàng và loại hàng chính xác. Sau đó, quay về phòng kế hoạch để định giá, cầm bảng khai hàng hóa và bảng định giá đến phòng kế toán để thanh toán

Tại phòng kế toán, kế toán viết HĐGTGT 0073465(*Biểu số 2.1*) và phiếu thu số 250(*Biểu số 2.2*) của công ty TNHH Kim Phúc Hà về việc thanh toán tiền cước xếp dỡ hàng gạo bằng tiền mặt.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Căn cứ vào HDGTGT 0073465 (*Biểu số 2.1*)

HÓA ĐƠN			Mẫu số : 01 GTKT – 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			QP/2009B		
Liên 3: Nội bộ			0073465		
Ngày 10 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách					
Địa chỉ: Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			MS: 0200472257		
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Kim Phúc Hà					
Địa chỉ: Phường Chi Lăng – TP.Lạng Sơn – T.Lạng Sơn					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM			MS: 4900286334		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước xếp dỡ hàng gạo				
+	SL – Xe cảng VC- Bãi	Tấn	574.66	30.000	17.239.800
+	Bãi – Xe cảng- Tàu Hà Hiền	Tấn	574.66	30.000	17.239.800
Cộng tiền hàng:					34.479.600
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					3.447.960
Tổng cộng tiền thanh toán:					37.927.560
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Sau khi viết xong HDGTGT đã có đầy đủ chữ kí của các bên liên quan. Kế toán viết phiếu thu (*Biểu số 2.2*) khách hàng thanh toán bằng tiền mặt

Biểu số 2.2

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Mẫu số 01

Km 9 - Đường 5 – Quán Toan- Hồng Bàng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyền số 2

Số : 520

PHIẾU THU

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Nợ 111 : 37.927.560

Có 5113 : 34.479.600

Có 3331 : 3.447.960

Họ tên người nộp tiền : Mai Thị Ninh Duyên

Địa chỉ : Công ty TNHH Kim Phúc Hà

Lý do nộp : Thu tiền cước xếp dỡ hàng gạo

Số tiền : **37.927.560**

Số tiền viết bằng chữ: : Ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi đồng chẵn.

Kèm theo : HĐ 0073465

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người nộp tiền

Người lập biểu

Thủ quỹ

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

Căn cứ vào HĐGTGT, Phiếu thu kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật kí Chung(
Biểu số 2.3)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Biểu số 2.3 (Trích)SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị tính : Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
						
03/02/09	HĐ0026215	03/02/09	Cước xếp dỡ hàng bột mì	131	11.497.860	
				5113		10.452.600
				3331		1.045.260
04/03/09	05628	04/03/09	Phế liệu thu hồi nhập kho	152	1.520.785	
				711		1.520.785
04/04/09	468	04/04/09	Cổ tức và lợi nhuận được chia năm 2008	112	200.000.000	
				515		200.000.000
04/05/09	0038724	04/05/09	Cước buộc cỏi dây	111	198.000	
				5113		180.000
				3331		18.000
09/05/09	01	09/05/09	Trả lãi vay hợp đồng tín dụng số 02	635	60.178.241	
				112		60.178.241

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

10/07/09	148	10/07/09	Trả lãi vay ngân hàng	635	10.574.459	
				112		10.574.459
20/11/09	HĐ0074565	20/11/09	Cước cầu bến	131	6.225.511	
				5113		3.112.755
				3331		311.2756
05/12/09	PC 200	05/12/09	Chi mua văn phòng phẩm	642	1.562.500	
				133	156.250	
				111		1.718.750
08/12/09	PT 500	08/12/09	Thanh lí Xe nâng hàng Komatsu Nhật	111	25.369.245	
				711		23.062.950
				3331		2.306.295
10/12/09	HĐ0073465	10/12/09	Cước xếp dỡ hàng gạo	111	37.927.560	
				5113		34.479.600
				3331		3.447.960
16/12/09	1125	16/12/09	Lãi tiền gửi được hưởng ngân hàng ACB	112	1.550.677	
				515		1.550.677
29/12/09	HĐ0374596	29/12/09	Cước cân hàng	111	935.271	
				5113		850.246
				3331		85.025

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

29/12/09	1620	29/12/09	Cung ứng nhiên liệu	131	1.056.000	
				711		1.056.000
31/12/09	PKT 120	31/12/09	Kết chuyển doanh thu	511	42.200.030.658	
				911		42.200.030.658
31/12/09	PKT 121	31/12/09	Kết chuyển giá vốn	911	31.151.239.677	
				632		31.151.239.677
31/12/09	PKT 120	31/12/09	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	357.851.721	
				911		357.851.721
31/12/09	PKT 121	31/12/09	Kết chuyển chi phí tài chính	911	249.130.000	
				635		249.130.000
						
31/12/09	PKT 123	31/12/09	Kết chuyển lãi	911	4.928.213.636	
				421		4.928.213.636
			Cộng số phát sinh		450.340.819.388	450.340.819.388

Từ Sổ Nhật kí chung, kế toán tiến hành ghi vào Sổ cái TK 5113(*Biểu số 2.4*)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Biểu số 2.4

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản : Doanh thu cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 5113

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh tháng				
							
03/02/09	HĐ0026215	03/02/09	Cước xếp dỡ hàng bột mì		131		10.452.600
04/05/09	HĐ0038724	04/05/09	Cước buộc cời dây		111		180.000
							
08/08/09	HĐ0068050	08/08/09	Cước giao nhận		112		2.225.350
							
20/11/09	HĐ0074565	20/11/09	Cước cầu bến		131		3.112.755
10/12/09	HĐ0073465	10/12/09	Cước xếp dỡ hàng gạo		111		34.479.600
28/12/09	HĐ0235609	28/12/09	Cước đóng gói		131		15.647.650
29/12/09	HĐ0374596	29/12/09	Cước cân hàng		111		850.246
31/12/09	PKT 120	31/12/09	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ		911	42.200. 030.658	
			Cộng số phát sinh tháng			42.200. 030.658	42.200.030. 658
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT bán ra kế toán tiến hành ghi vào Bảng kê bán hàng và
cung cấp dịch vụ bán ra (*Biểu số 2.5*)

Biểu số 2.5 **BẢNG KÊ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ BÁN RA**(Trích năm 2009)

Tên cơ sở kinh doanh : Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Địa chỉ: Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mã số thuế : 0200472257

Đơn vị tính : đồng

Hóa đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế	Mặt hàng	Doanh thu chưa thuế	Thuế suất	Thuế VAT	Ghi chú
Kí hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày tháng năm phát hành							
QP/2008B	0026215	03/02/2009	Công ty cổ phần Hà Anh	0251247835	Cước xếp dỡ hàng bột mì	10.452.600	10%	1.045.260	
QP/2008B	0021457	10/06/2009	Công ty TNHH Hiền Hòa	0245184920	Cước buộc cời dây	150.000	10%	15.000	
QP/2008B	0023516	08/09/2009	Công ty cổ phần Nam Sơn	0234562049	Cước xếp dỡ hàng gạo	4.518.240	10%	451.824	
QP/2008B	0074565	20/11/2009	Công ty cổ phần Hà Anh	0249834612	Cước cầu bến	3.112.755	10%	311.276	
QP/2008B	0063871	04/12/2009	Công ty TNHH Sơn Cường	0218345237	Cước cầu bến	5.216.238	10%	521.624	
QP/2008B	0374596	29/12/09	Công ty cổ phần Nam Triệu	0241128300	Cước cân hàng	850.246	10%	85.025	
									
			Tổng cộng			42.200.030.658	10%	4.220.003.066	

Căn cứ vào Bảng kê hàng hóa bán ra kế toán tập hợp báo cáo doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Biểu số 2.6 **BÁO CÁO DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**(Trích năm 2009)

Tên cơ sở kinh doanh : Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Địa chỉ: Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mã số thuế : 0200472257

Ngày	Số chứng từ	TKĐƯ	Nội dung	Doanh thu	Thuế VAT	Tổng thành tiền
03/02/2009	0026215	131	Cước xếp dỡ hàng bột mì	10.452.600	1.045.260	11.497.860
04/05/2009	0038724	111	Cước buộc cời dây	180.000	18.000	198.000
10/06/2009	0021457	112	Cước buộc cời dây	150.000	15.000	165.000
22/07/2009	0030856	131	Cước cầu bến	4.112.754	411.275	4.524.029
01/08/2009	0042158	112	Cước cầu bến	8.152.650	815.265	8.967.915
09/09/2009	0052316	111	Cước xếp dỡ hàng xi măng	2.256.142	225.614	2.481.756
09/10/2009	0030856	112	Cước xếp dỡ hàng hóa chất	2.561.490	256.149	2.817.639
20/11/2009	0074565	131	Cước cầu bến	3.112.755	311.276	3.424.031
04/12/2009	0063871	131	Cước cầu bến	5.216.238	521.624	5.737.862
10/12/2009	0073465	111	Cước xếp dỡ hàng gạo	34.479.600	3.447.960	37.927.560
						
			Tổng	42.200.030.658	4.220.003.066	46.420.033.724

Căn cứ vào báo cáo doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ,kế toán tiến hành ghi vào Bảng tổng hợp về doanh thu (*Biểu số 2.7*)

(Trích) **BÁO CÁO TỔNG HỢP DOANH THU**

Năm 2009

Biểu số 2.7

Tên cơ sở kinh doanh : Công ty cổ phần Cảng Vật Cách

Địa chỉ: Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mã số thuế : 0200472257

Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Doanh thu		
			Tổng doanh thu	Các khoản giảm trừ doanh thu	Doanh thu thuần
Hoạt động bốc xếp			20.452.879.100	-	20.452.879.100
Hoạt động lưu kho bãi			9.145.800.622	-	9.145.800.622
Hoạt động đại lí vận tải			4.144.315.778	-	4.144.315.778
					
Tổng			42.200.030.658		42.200.030.658

Người ghi số

(ký, ghi rõ họ tên)

2.2.1.3 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là khoản lãi tiền gửi ngân hàng, chiết khấu thanh toán hưởng, cổ tức và lợi nhuận được chia

Đối với thu nhập từ hoạt động tài chính thì lãi tiền gửi là nghiệp vụ phát sinh nhiều nhất và thường xuyên nhất

Chứng từ sử dụng:

Sổ phụ tiền gửi ngân hàng, Giấy báo có ngân hàng, Bảng sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty, Giấy xác nhận và HĐGTGT

Tài khoản sử dụng: TK 515

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

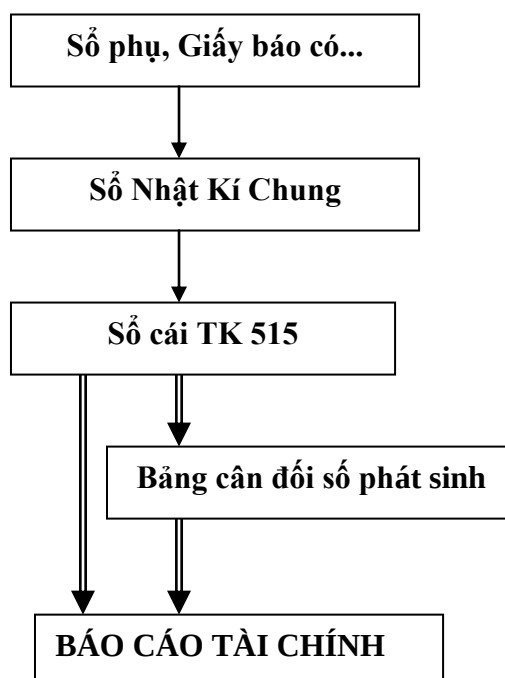
+ Lãi tiền gửi ngân hàng: Dựa trên nguyên tắc thực thu

+ Lãi do thanh toán hợp đồng

Sổ sách chứng từ sử dụng

Sổ cái TK 515, 112...

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính

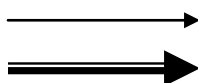


Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Ví dụ 1:



Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Ngày 16/12/2009 ngân hàng ACB gửi giấy báo Có cho công ty về lãi tiền gửi
của công ty số tiền 1.550.677 VNĐ.

Kế toán nhận được Sổ phụ (Biểu số 2.8), Giấy báo có của ngân hàng (Biểu số
2.9)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

ASIA COMMERCIAL BANK

SỔ PHỤ VND

Ngày 16/12/2009

Tài khoản : 2125201001063

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

DIỄN GIẢI		GHI NỢ	GHI CÓ
## Lãi nhập tiền gửi ##	Số dư đầu ngày		120.653.655
			1.550.677
	Tổng số phát sinh ngày		1.550.677
	Số dư cuối ngày		122.204.332

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GD: BATCH

Mã KH: 12348

Số GD:1125

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 16/12/2009

Kính gửi : Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 2125201001063

Số tiền bằng số : **1.550.677**

Số tiền bằng chữ : Một triệu năm trăm năm mươi ngàn sáu trăm bảy mươi bảy VNĐ

Nội dung : ## Lãi nhập tiền gửi ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Căn cứ vào Sổ phụ và Giấy báo có của ngân hàng kế toán ghi vào Sổ nhật kí chung(*Biểu số 2.3*). Từ Sổ nhật kí chung vào Sổ cái TK 515(*Biểu số 2.10*)

Biểu số 2.10

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản :Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu : 515

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TKĐ U'	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kì				
			Số phát sinh trong kì				
							
04/04/09	468	04/04/09	Cổ tức và lợi nhuận được chia năm 2008		112		200.000.000
05/06/09	TT 20	05/06/09	Thanh toán hợp đồng số 20		131		150.000
10/07/09	542	10/07/09	Lãi tiền gửi được hưởng ngân hàng Hàng Hải		112		1.256.542
							
16/12/09	1125	16/12/09	Lãi tiền gửi được hưởng ngân hàng ACB		112		1.550.677
							
31/12/09	PKT 120	31/12/09	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính		911	357.851. 721	
			Cộng số phát sinh			357.851. 721	357.851.721
			Số dư cuối kì				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.1.4 Thực trạng tổ chức công tác kế toán thu nhập khác

Thu nhập của doanh nghiệp bao gồm:

- Thu từ việc thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng
- Thu từ tiền bán phế liệu
- Thu phế liệu thu hồi
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng

Chứng từ sử dụng:

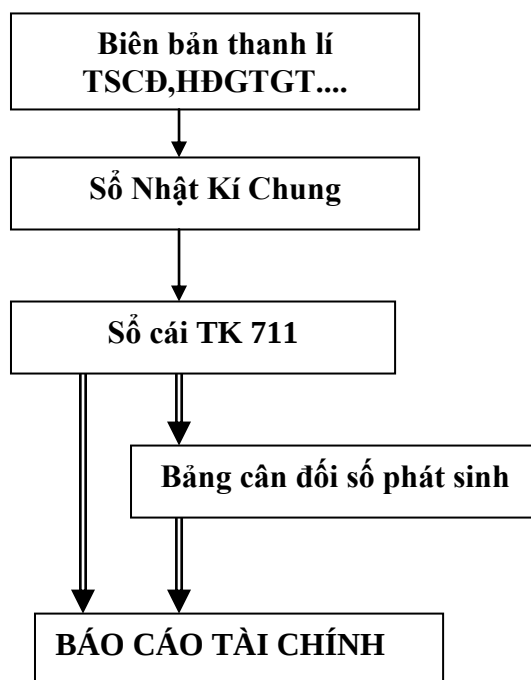
Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, Biên bản bàn giao TSCĐ

Tài khoản sử dụng: TK 711

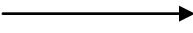
Sổ sách sử dụng:

- Sổ cái TK 711

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ thu nhập khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày 

Ghi cuối tháng 

Ví dụ:

Ngày 8 tháng 12 Công ty thanh lý Xe nâng hàng Komatsu Nhật

Căn cứ vào Biên bản thanh lý TSCĐ số 1480 (Biểu số 2.11)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số : 02 – TSCĐ

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 8 tháng 12 năm 2009

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông : Phạm Huy Toàn Chức vụ: Phòng khoa học kỹ thuật – Chủ tịch

Ông: Hoàng Duy Lợi Chức vụ: Trưởng phòng vật tư- Ủy viên

Bà : Nguyễn Thị Lan Chức vụ: Kế toán trưởng - Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

Tên, ký, mã hiệu, quy cách(cấp hạng TSCĐ): Xe nâng hàng Komatsu Nhật

Nước sản xuất (Xây dựng): Nhật.....

Nội dung: Sau khi nghe báo cáo kết quả điều tra tình trạng kỹ thuật và giá trị kinh tế của TSCĐ đưa ra xét thanh lý do các ủy viên đã trao đổi ý kiến . Chủ tịch hội đồng thanh lý đã kết luận và đề nghị thống nhất ý kiến giám đốc ra quyết định thanh lý Xe nâng hàng Komatsu Nhật

Tổng số : 1 chiếc Xe nâng hàng Komatsu Nhật

Nguyên giá : 500.541.780

Hao mòn lũy kế: 468.658.378

Giá trị còn lại: 31.883.402

Dự kiến thu hồi: 25.369.245

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

Biên bản đã được tất cả các thành viên thông qua và hoàn toàn nhất trí.

Ngày 8 tháng 12 năm 2009

Trưởng ban thanh lý

(Ký, họ tên)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Căn cứ vào HĐGTGT 0074582 (*Biểu số 2.12*)

HÓA ĐƠN			Mẫu số : 01 GTKT – 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			QP/2009B		
Liên 3: Nội bộ			0074582		
Ngày 08 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách					
Địa chỉ: Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			MS: 0200472257		
Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Phúc Tiến					
Địa chỉ: Thôn Cống Mỹ - Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM			MS: 0201496387		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Xe nâng hàng Komatsu Nhật	Chiếc	01	23.062.950	23.062.950
Cộng tiền hàng:					23.062.950
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					2.306.295
Tổng cộng tiền thanh toán:					25.369.245
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi năm triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi năm.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Sau khi viết xong HĐGTGT đã có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan. Kế toán viết phiếu thu (*Biểu số 2.13*), khách hàng đã thanh toán cho công ty bằng tiền mặt

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Mẫu số 01

Km 9 - Đường 5 – Quán Toan- Hồng Bàng – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyền số 2

Số : 500

Biểu số 2.13

PHIẾU THU

Ngày 08 tháng 12 năm 2009

Nợ 111 : 25.369.245

Có 711 : 23.062.950

Có 3331 : 2.306.295

Họ tên người nộp tiền : Hoàng Thị Thúy Hồng

Địa chỉ : Công ty TNHH Phúc Tiến

Lý do nộp : Thu tiền thanh lí xe nâng hàng Komatsu Nhật

Số tiền : **25.369.245**

Số tiền viết bằng chữ: : Hai mươi năm triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi năm.

Kèm theo : HĐ 0074582

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 08 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(<i>ký,họ tên</i>)	(<i>ký,họ tên</i>)	(<i>ký,họ tên</i>)	(<i>ký,họ tên</i>)	(<i>ký,họ tên</i>)

Căn cứ vào Biên bản thanh lí TSCĐ, HĐGTGT, Phiếu thu kế toán ghi vào Sổ Nhật kí chung (*Biểu số 2.3*). Từ Sổ Nhật kí chung ghi vào Sổ cái TK 711(*Biểu số 2.14*)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Biểu số 2.14

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản : Thu nhập khác

Số hiệu : 711

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1	2
			Số dư đầu kì				
			Số phát sinh trong kì				
							
04/03/09	05628	04/03/09	Phế liệu thu hồi nhập kho		152		1.520.785
02/05/09	01524	02/05/09	Cung ứng nhiên liệu		131		2.013.451
10/6/09	04219	10/6/09	Thu tiền bán phế liệu		111		3.846.273
28/11/09	03152	28/11/09	Phế liệu thu hồi nhập kho		152		1.526.023
08/12/09	PT 500	08/12/09	Thanh lí xe nâng hàng Komatsu Nhật		111		23.062.950
							
22/12/09	1523	22/12/09	Thanh lí khung cầu 40T		112		7.066.667
29/12/09	1620	29/12/09	Cung ứng nhiên liệu		131		1.056.000
31/12/09	PKT 120	31/12/09	Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911		911	1.076.634 .133	
			Cộng số phát sinh tháng			1.076.634 .133	1.076.634. 133
			Số dư cuối kì				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

Để xác định kết quả kinh doanh ngoài việc phải xác định doanh thu ta còn phải xác định các chi phí liên quan như giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp...

2.2.2.1 Thực trạng tổ chức công tác kế toán các khoản chi phí

❖ Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

Công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Cảng biển nên giá vốn của dịch vụ cung cấp là toàn bộ chi phí bỏ ra để hoàn thành dịch vụ đó. Các chi phí được tính bao gồm:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Nguyên vật liệu trực tiếp được sử dụng chủ yếu tại công ty là vật tư(nhiên liệu). Khi xuất, nhập vật tư căn cứ vào kế hoạch bốc xếp, định mức vật tư do phòng kinh doanh cung cấp

Chi phí nhân công trực tiếp: Là những khoản thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ. Ngoài ra, nó còn bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ

Chi phí sản xuất chung: Là những chi phí cần thiết để sản xuất sản phẩm sau chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp. Đây là những chi phí phát sinh trong phạm vi các phân xưởng, bộ phận sản xuất của công ty

Công ty thuộc loại hình doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ Cảng hơn nữa hoạt động kinh doanh lại chỉ tập trung vào việc cung cấp dịch vụ Cảng như xếp dỡ, chuyên tải, cầu bến và các hoạt động dịch vụ khác nên chỉ sử dụng TK 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để tập hợp chi phí kinh doanh phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng

Chứng từ sử dụng:

Hóa đơn giá trị gia tăng, Phiếu chi

Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho

Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

TK 632 và các TK liên quan TK 621,622,627,154

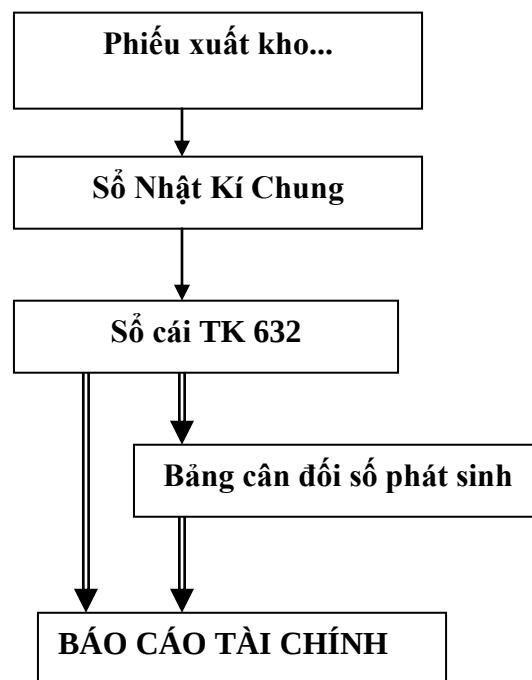
Sổ sách sử dụng:

Sổ cái TK 621, 622, 627, 154, 632

Quy trình hạch toán:

Do đặc điểm của công ty là cung cấp dịch vụ không có thành phẩm. Toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng được tập hợp bên Nợ TK 154, tài khoản 154 không có số dư đầu kỳ hay cuối kỳ, sau đó kết chuyển hết sang TK 632 để xác định giá vốn hàng bán của hoạt động này vào cuối mỗi tháng, quý. Công ty không mở chi tiết cho TK 154 cũng như TK 632.

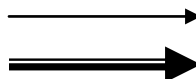
Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi số giá vốn hàng bán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng



Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Ví dụ: Trích sổ cái TK giá vốn hàng bán (Biểu số 2.15)

Biểu số 2.15

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản : Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kì				
			Số phát sinh trong kì				
31/01/ 09	THGV 12	31/01/09	Tập hợp giá vốn từ ngày 01/01/09 đến ngày 31/01/09		154	2.154.28 8.763	
31/01/ 09	KQK D	31/01/09	XđkqHĐKD ngày 01/01/09 đến ngày 31/01/09		911		2.154.288.7 63
28/02/ 09	THGV 13	28/02/09	Tập hợp giá vốn từ ngày 01/02/09 đến ngày 28/02/09		154	4.044.17 9.885	
28/02/ 09	KQK D	28/02/0	XđkqHĐKD ngày 01/02/09 đến ngày 28/02/09		911		4.044.179.8 85
							
30/11/ 09	THGV 22	30/11/09	Tập hợp giá vốn từ ngày 01/11/09 đến ngày 30/11/09		154	5.267.39 0.622	
30/11/ 09	KQK D	30/11/09	XđkqHĐKD ngày 01/11/09 đến ngày 30/11/09		911		5.267.390.6 22
31/12/ 09	THGV 23	31/12/09	Tập hợp giá vốn từ ngày 01/01/09 đến ngày 31/01/09		154	3.488.99 2.007	
31/12/ 09	KQK D	31/12/09	XđkqHĐKD ngày 01/12/09 đến ngày 31/12/09		911		3.488.992.0 07
			Cộng số phát sinh trong kì			31.151.2 39.677	31.151.239. 677
			Số dư cuối kì				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

❖ **Thực trạng tổ chức kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là các chi phí phát sinh từ chi phí lãi vay ngân hàng

Chứng từ sử dụng:

Sổ phụ, Giấy báo nợ của ngân hàng

Bảng sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng

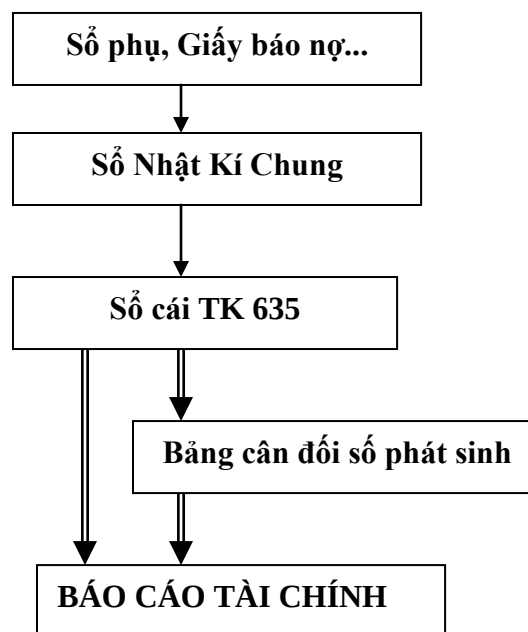
Tài khoản sử dụng: TK 635

Sổ sách sử dụng:

Sổ Nhật kí chung

Sổ cái TK 635

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ chi phí tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$

Ví dụ:

Ngày 10/07/2009 Ngân hàng ACB quyết định gửi giấy báo nợ cho công ty về lãi tiền vay của công ty với số tiền là 10.574.459 VNĐ

+ Kế toán nhận được Sổ phụ (*Biểu số 2.16*) và Giấy báo nợ của ngân hàng(*Biểu số 2.17*)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

ASIA COMMERCIAL BANK

SỔ PHỤ VND

Ngày 10/07/2009

Tài khoản : 2125201001063

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

DIỄN GIẢI		GHI NỢ	GHI CÓ
	Số dư đầu ngày		250.759.155
## Thu lãi tiền vay của công ty Cổ phần Cảng Vật Cách ##		10.574.459	
	Tổng số phát sinh ngày	10.574.459	
	Số dư cuối ngày		240.184.696

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GD: BATCH

Mã KH: 10366

Số GD : 148

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 10/07/2009

Kính gửi : Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 2125201001063

Số tiền bằng số : **10.574.459**

Số tiền bằng chữ : Mười triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi chín VNĐ

Nội dung : Thu lãi tiền vay của công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Căn cứ vào Sổ phụ và Giấy báo nợ của ngân hàng. Kế toán ghi vào Sổ Nhật kí chung(*Biểu số 2.3*). Từ Sổ Nhật kí chung ghi vào Sổ cái TK 635(*Biểu số 2.18*)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Biểu số 2.18

Năm 2009

Tên tài khoản : Chi phí tài chính

Số hiệu : 635

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1	2
			Số dư đầu kì				
			Số phát sinh trong kì				
							
09/05/09	01	09/05/09	Trả lãi vay hợp đồng tín dụng số 02		112	60.178.241	
10/07/09	148	10/07/09	Trả lãi vay ngân hàng		112	10.574.459	
							
15/12/09	12	15/12/09	Thanh toán hợp đồng		131	23.150	
							
31/12/09	PKT 123	31/12/09	Kết chuyển chi phí tài chính		911		249.130.000
			Cộng số phát sinh			249.130.000	249.130.000
			Số dư cuối kì				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

❖ Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của công ty

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: Lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, Ăn ca, Độc hại
- Chi phí vật liệu quản lý: Nhiên liệu, Vật liệu, công cụ dụng cụ, Phụ tùng
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Điện, nước, chi phí thông tin, chi phí sửa chữa, bảo quản TS
- Chi phí bằng tiền khác: chi phí hội nghị, tiếp khách; chi bảo hiểm; chi công tác phí; ấn phẩm; chi đào tạo; chi HCQT; chi phí văn phòng phẩm; chi khác; chi phí thuế môn bài

Chứng từ sử dụng:

- HĐGTGT
- Phiếu chi, Giấy đề nghị thanh toán, Giấy đề nghị tạm ứng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Bảng phân bổ lương và BHXH

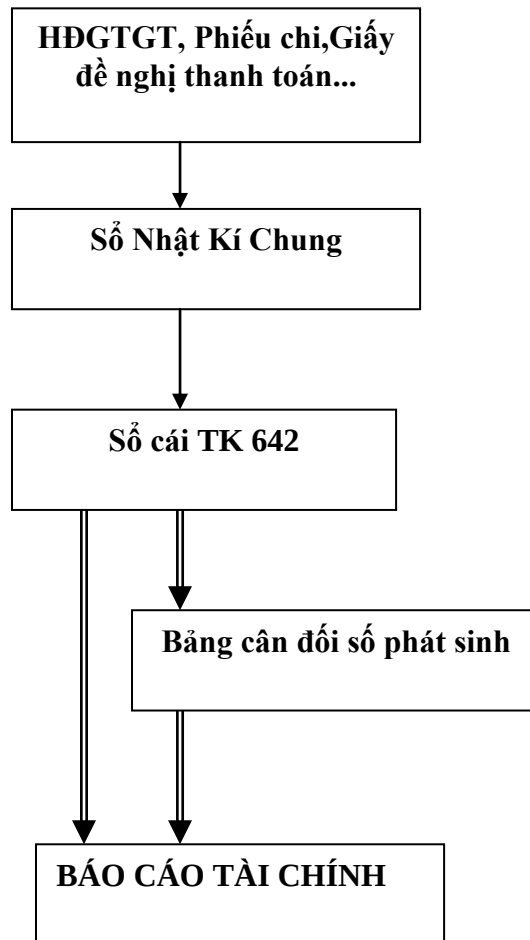
Tài khoản sử dụng: TK 642

Sổ sách sử dụng:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ cái TK 642 và Sổ cái các tài khoản liên quan

Quy trình hạch toán:

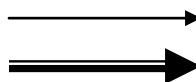
Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng



Ví dụ:

Ngày 05 tháng 12 công ty phát sinh khoản tiền thanh toán mua văn phòng phẩm với tổng số tiền thanh toán bằng tiền mặt là 1.718.750 (thuế VAT 10%)

Căn cứ vào HDGTGT 0063258 (*Biểu số 2.19*)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Biểu số 2.19

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 5 tháng 12 năm 2009				Mẫu số : 01 GTKT – 3LL QP/2009B 0063258	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Hà Địa chỉ: 33 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: MS: 0200585148					
Họ tên người mua hàng: Công ty cổ phần Cảng Vật Cách Địa chỉ: Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: MS: 0200472257					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bút bi	Chiếc	250	2000	500.000
2	Giấy in	Tập	20	50.000	1.000.000
3	Hộp ghim	Hộp	25	2.500	62.500
Cộng tiền hàng:					1.562.500
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					156.250
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.718.750
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bảy trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng chẵn.					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

Sau khi viết xong HĐGTGT đã có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan. Kế toán viết phiếu chi (*Biểu số 2.20*), công ty thanh toán bằng tiền mặt

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Mẫu số 01

Km 9 - Đường 5 – Quán Toan- Hồng Bàng – Hải
phòng

Ban hành theo QĐ số :15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyền số 10

Số : 200

Biểu số 2.20

PHIẾU CHI

Ngày 5 tháng 12 năm 2009

Nợ TK 642 : 1.562.500

Nợ TK 133 : 156.250

Có TK 111: 1.718.750

Họ và tên người nhận tiền : Cao Thanh Hải

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Lý do chi : Chi mua văn phòng phẩm

Số tiền : **1.718.750**

Số tiền viết bằng chữ : Một triệu bảy trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng
chẵn.

Kèm theo : HĐ 0063258

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 5 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(ký,họ tên)

Kế toán trưởng

(ký,họ tên)

Người nộp tiền

(ký,họ tên)

Người lập biểu

(ký,họ tên)

Thủ quỹ

(ký,họ tên)

Căn cứ vào HĐGTGT và Phiếu chi, kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật kí chung(*Biểu số 2.3*). Từ Sổ Nhật kí chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642(*Biểu số 2.21*)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Biểu số 2.21

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản : Chi phí quản lí doanh nghiệp

Số hiệu : 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kì				
			Số phát sinh tháng				
							
02/02/09	PC 23	02/02/09	Chi tiền công tác phí		111	565.287	
03/06/09	PC 45	03/06/09	Mua đồ dùng dụng cụ khối văn phòng		111	1.326.841	
12/09/09	00125	12/09/09	Thanh toán cước điện thoại thành 11		112	9.523.101	
8/10/09	PC 56	8/10/09	Chi tiền tiếp khách		111	8.456.673	
15/11/09	PC 362	15/11/09	Chi kinh phí cho đại hội, chi bộ		111	745.812	
05/12/09	PC200	05/12/09	Chi mua văn phòng phẩm		111	1.562.500	
							
29/12/09	BKH	29/12/09	Khấu hao TSCĐ HH		214	25.475.647	
31/12/09	PKT 124		Kết chuyển CPQLDN		911		5.389.405. 674
			Cộng số phát sinh			5.389.405.6 74	5.389.405. 674
			Số dư cuối kì				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, đó là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp trong một thời kì nhất định. Trong doanh nghiệp, kết quả hoạt động bán hàng rất quan trọng, số liệu kế toán hoạt động kinh doanh là số liệu kế thừa của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trước đó

Vì hạch toán mang tính chất kế thừa nên để đảm bảo có thông tin chính xác kế toán của cảng thường xuyên, kiểm tra đối chiếu ở các sổ sách với các chứng từ gốc về doanh thu cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ, chi phí quản lí doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, chi phí thuế TNDN như: HĐGTGT, Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo nợ, Giấy báo có....

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác của doanh nghiệp một thời kì nhất định.

Kết quả kinh doanh được xác định chênh lệch giữa doanh thu và các khoản chi phí trong kì

Kết quả kinh doanh	=	Doanh thu BH và CCDV	+	Doanh thu HĐTC	+	Thu nhập khác	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí BH	-	Chi phí quản lí DN	-	Chi phí HĐT C	-	Chi phí khác
---------------------------	---	----------------------	---	----------------	---	---------------	---	------------------	---	------------	---	--------------------	---	---------------	---	--------------

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng: TK 911

Sổ sách sử dụng:

Sổ cái TK 511,515,632,635,642,711....

Quy trình hạch toán

Do doanh nghiệp tiến hành hạch toán chi phí chung cho tất cả các loại hình dịch vụ nên không xác định kết quả kinh doanh cho từng loại hình dịch vụ

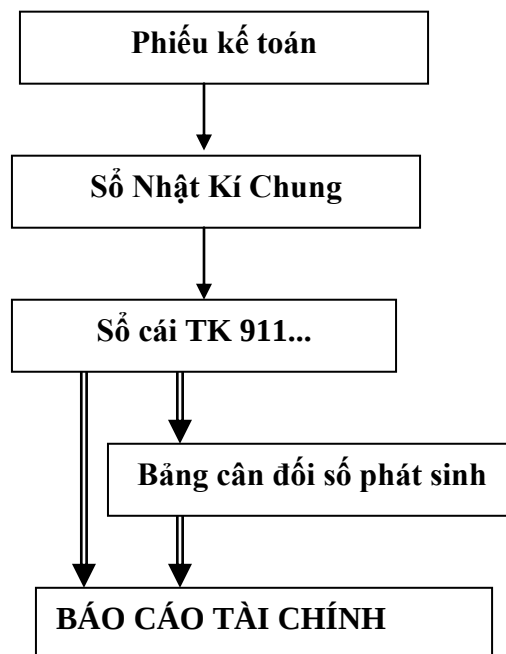
Kế toán căn cứ vào số liệu đã được tập hợp ở các sổ để xác định kết quả kinh

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

doanh cung cấp dịch vụ trong kì, bằng các bút toán kết chuyển sau: Kết chuyển doanh thu, Kết chuyển giá vốn hàng bán, Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp....

Năm 2009 công ty không phát sinh bất kì một khoản giảm trừ doanh thu nào nên doanh thu thuần bằng tổng doanh thu cung cấp dịch vụ. Việc xác định kết quả bán hàng thể hiện số cái TK 911. Cuối tháng, Căn cứ vào số liệu các tài khoản liên quan 511,515,711,632,642,811...kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Theo ví dụ trên:

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 thực hiện kết chuyển doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lí doanh nghiệp, thu nhập khác sang tài khoản xác định kết quả kinh doanh. Từ tài khoản này kết chuyển sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối

Căn cứ vào Phiếu kế toán(*Biểu số 2.22*), (*Biểu số 2.23*)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Biểu số 2.22

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số : 120

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	42.200.030.658
2	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	357.851.721
3	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	1.076.634.133
	Cộng			43.634.516.512

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.23

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số : 121

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	31.151.239.677
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	249.130.000
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	5.389.405.674
	Cộng			36.789.775.351

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Trong năm 2009 công ty làm ăn có lãi kế toán xác định thuế TNDN phải nộp, Lợi
nhuận sau thuế căn cứ vào Phiếu kế toán (*Biểu số 2.24*), (*Biểu số 2.25*)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Km 9 – Đường 5 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Biểu số 2.24

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số : 122

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	1.916.527.525
2	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	1.916.527.525
	Cộng			3.833.055.050

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.25

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số : 123

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi	911	421	4.928.213.636
	Cộng			4.928.213.636

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

Căn cứ vào Phiếu kế toán, kế toán tiến hành ghi vào Sổ nhật ký chung(*Biểu số 2.3*). Từ Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 911(*Biểu số 2.26*)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

SỔ CÁI

Biểu số 2.26

Năm 2009

Tên tài khoản :Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu : 911

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh kỳ				
31/12 /09	PKT 120	31/12/ 09	Kết chuyển doanh thu		511		42.200.030.658
31/12 /09	PKT 121	31/12/ 09	Kết chuyển giá vốn		632	31.151.239.677	
31/12 /09	PKT 120	31/12/ 09	Kết chuyển doanh thu HĐTC		515		357.851.721
31/12 /09	PKT 121	31/12/ 09	Kết chuyển chi phí tài chính		635	249.130.000	
31/12 /09	PKT 121	31/12/ 09	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp		642	5.389.405.674	
31/12 /09	PKT 120	31/12/ 09	Kết chuyển thu nhập		711		1.076.634.133
31/12 /09	PKT 122	31/12/ 09	Kết chuyển chi phí		821	1.916..527.525	
31/12 /09	PKT 123	31/12/ 09	Kết chuyển lãi		421	4.928.213.636	
			Cộng số phát sinh			43.634.516.512	43.634.516.512
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào Phiếu kế toán, kế toán tiến hành ghi vào Sổ nhật ký chung(*Biểu số 2.3*). Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 821(*Biểu số 2.27*), Sổ cái TK 421(*Biểu số 2.28*)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

SỔ CÁI

Biểu số 2.27

Năm 2009

Tên tài khoản : Chi phí thuế TNDN

Số hiệu : 821

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh kỳ				
31/12 /09	PKT 122	31/12/ 09	Thuế TNDN phải nộp		3334	1.916.527.525	
31/12 /09	PKT 122	31/12/ 09	Kết chuyển thuế TNDN sang TK 911		911		1.916.527.525
			Cộng số phát sinh			1.916.527.525	1.916.527.525
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

SỔ CÁI

Biểu số 2.28

Năm 2009

Tên tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu : 421

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				1.032.541.066
			Số phát sinh kỳ				
31/12 /09	PKT 123	31/12/ 09	Kết chuyển lãi sang TK 911		421		4.928.213.636
			Cộng số phát sinh				4.928.213.636
			Số dư cuối kỳ				5.960.754.702

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách

Mẫu số B02 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Biểu số 2.29

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	42.200.030.658	31.986.144.547
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10	42.200.030.658	31.986.144.547
4. Giá vốn hàng bán	11	31.151.239.677	23.322.416.760
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)	20	11.048.790.981	8.663.727.787
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	357.851.721	719.010.570
7. Chi phí tài chính	22	249.130.000	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	249.130.000	
8. Chi phí bán hàng	24		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.389.405.674	3.936.394.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30 = 20 + (21 -22) – (24+ 25))	30	5.768.107.028	5.446.343.636
11. Thu nhập khác	31	1.076.634.133	1.113.444.257
12. Chi phí khác	32		
13.Lợi nhuận khác(40 = 31 – 32)	40	1.076.634.133	1.113.444.257
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40)	50	6.844.741.161	6.559.787.893
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.916.527.525	1.836.740.610
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50- 51-52)	60	4.928.213.636	4.723.047.283
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		

Người lập biểu

Chương 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

3.1 NHẬN XÉT CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH

Ngày nay, trong điều kiện nền kinh tế thị trường luôn vận động và phát triển mạnh mẽ. Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty. Do đó bên cạnh những thuận lợi công ty phải đương đầu không ít những khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và những yếu tố chủ quan khác mang lại. Tầm quan trọng của việc hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty đã xây dựng mô hình gọn nhẹ là bộ máy kế toán năng động, việc phân công công việc rõ ràng mỗi kế toán viên đảm nhiệm từng phần hành kế toán khác nhau phù hợp với trình độ năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty đảm bảo nguyên tắc chuyên môn hóa, đồng thời các nhân viên kế toán có mối quan hệ chặt chẽ cùng chịu sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng, làm việc đem lại hiệu quả cao và luôn gắn liền với quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập tại công ty, em đã nhận thức được sâu sắc hơn mục tiêu hàng đầu của công ty Cổ phần Cảng Vật Cách nói riêng và các doanh nghiệp nói chung là lợi nhuận và làm thế nào để lợi nhuận không ngừng gia tăng. Đó là vấn đề nhức nhối đối với nhà quản lý và hơn hết chính là điều kiện để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, bên cạnh đó góp phần nâng cao cải thiện đời sống của cán bộ công nhân viên. Đồng thời là điều kiện để công ty thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và các ngành liên quan

3.2 NHẬN XÉT VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY

3.2.1 Những ưu điểm đạt được

◆ Về tổ chức sản xuất kinh doanh của Cảng

Ngành dịch vụ kinh doanh Cảng biển trở thành nhu cầu không thể thiếu trong

quá trình mở cửa và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam. Đón đầu xu thế với tư cách là một công ty cung cấp các dịch vụ bốc xếp, giao nhận, vận tải. Cảng đã không ngừng mở rộng thị trường đầu tư nâng cấp mạng lưới dịch vụ, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ.

◆ Về tổ chức công tác kế toán hiện nay

Việc tổ chức công tác kế toán hiện nay là tương đối phù hợp với đặc điểm tình hình của công ty. Công ty luôn chấp hành một cách đầy đủ chính sách, chế độ kế toán của Nhà nước, các chính sách về giá, thuế. Tổ chức mở sổ đầy đủ, phù hợp để phản ánh tình hình biến động của thị trường kinh doanh dịch vụ đồng thời ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh nhờ đó góp phần bảo vệ tài sản của công ty

◆ Về tổ chức bộ máy kế toán công ty

Công ty áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Mô hình tổ chức này có đặc điểm là toàn bộ công việc xử lý thông tin trong toàn doanh nghiệp được thực hiện tập trung ở phòng kế toán, còn các bộ phận và đơn vị trực thuộc khác chỉ thực hiện việc thu thập, phân loại và cung cấp chứng từ và các báo cáo nhiệm vụ về phòng kế toán phục vụ cho việc xử lý, tổng hợp thông tin. Mô hình này đảm bảo giám sát, đối chiếu số liệu được thống nhất và nhanh gọn

Cảng đã tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với yêu cầu kinh doanh, Phòng kế toán của Cảng được bố trí hợp lý, phân công công việc rõ ràng, phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của nhân viên, phát huy thế mạnh của từng người. Điều đó đã nâng cao được hiệu quả công việc. Lãnh đạo đội ngũ kế toán là kế toán trưởng- một người có trình độ, kinh nghiệm lâu năm trong nghề. Đội ngũ nhân viên kế toán trẻ tuổi, năng động, nhiệt tình, có trình độ.

◆ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán nói chung

Sổ kế toán: Công ty áp dụng theo hình thức sổ kế toán Nhật ký chung đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện kỹ thuật tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm, dễ thấy và dễ lấy.

Hầu hết các sổ chi tiết ở công ty đều được xây dựng theo kết cấu đơn giản, dễ

ghi chép và phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu cần thiết lẫn nội dung kinh tế chủ yếu của nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Chứng từ sử dụng: Công ty sử dụng đúng mẫu biểu của BTC ban hành từ phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho... Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng loại, từng hợp đồng, từng khách hàng thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu

Trình tự hạch toán: Kế toán công ty đã trình tự hạch toán theo đúng chuẩn mực kế toán đã ban hành của BTC. Điều đó giúp cho việc ghi sổ kế toán được phù hợp, nhanh chóng và chính xác. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được chính xác, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu

Công ty luôn chấp hành đúng chính sách, chế độ kế toán của Nhà nước, các chính sách về thuế và giá, tổ chức mở sổ kế toán một cách phù hợp để phản ánh tình hình biến động của công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

◆ Về phương thức thanh toán

Do công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kinh doanh Cảng biển mặt hàng kinh doanh chủ yếu là mặng xếp dỡ hàng hóa có giá trị cao. Cho nên ngoài việc thanh toán bằng tiền mặt thì hình thức thanh toán bằng chuyển khoản cũng đem lại rất nhiều thuận lợi, hữu ích và phổ biến hơn trong xu thế hiện nay

◆ Về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Trải qua một quá trình đổi mới và phát triển, Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách đã hoàn thành dần hạch toán của mình. Cảng là đơn vị nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi về chế độ kế toán và đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

+ Về công tác kế toán doanh thu:

Kế toán doanh thu gắn liền với tình hình kinh doanh của công ty những quy định hạch toán trong hạch toán doanh thu luôn phản ánh chính xác, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo thống nhất và nhịp nhàng trong

công tác hạch toán kế toán của công ty

Phần lớn doanh thu được hạch toán và theo dõi chặt chẽ cho từng loại dịch vụ. Việc hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành xác định kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty

+ *Về công tác kế toán chi phí:*

Chi phí kinh doanh là vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm mọi cách để quản lý quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng lãng phí mà ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy, mà mọi chi phí phát sinh tại công ty được theo dõi cụ thể để có thể kiểm soát một cách chặt chẽ

Việc theo dõi chi phí chi tiết cho từng nghiệp vụ, từng phân xưởng đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra số liệu, tài liệu, công tác đối chiếu chứng từ, số liệu trong công ty được dễ dàng hơn. Qua đó đáp ứng được yêu cầu quản lý trong môi trường cạnh tranh nhằm hạ giá thành sản phẩm.

+ *Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:*

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình kinh doanh của toàn công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép và phản ánh được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và dựa vào tình hình thực tế của công ty

3.2.2 Những hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được công ty vẫn còn một số hạn chế sau:

+ Công ty không sử dụng tài khoản 521, tài khoản 532 để phản ánh nghiệp vụ chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán mà trừ ngay các tài khoản này vào tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Việc hạch toán như vậy không đúng với các quy định của chế độ tài chính kế toán của Nhà nước

+ Hiện nay công ty vẫn chưa sử dụng tài khoản 641. Vì vậy các chi phí như: chi phí phát sinh hội nghị, tiếp khách, chi cho quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa dịch vụđều hạch toán vào tài khoản 642. Việc hạch toán như vậy không đúng

với các quy định của chế độ tài chính kế toán của Nhà nước

+ Hiện nay, doanh thu của công ty chủ yếu thu từ mảng xếp dỡ hàng hóa tổng hợp toàn doanh thu các loại hình dịch vụ kho bãi chưa được doanh nghiệp chú trọng nhiều

+ Công ty có rất nhiều bạn hàng trên cả nước. Ngoài những khách hàng đến thuê dịch vụ và thanh toán ngay công ty còn cho phép khách hàng trả chậm số tiền dịch vụ sử dụng(một bộ phận này chiếm tỉ lệ không nhỏ) tức là doanh nghiệp áp dụng cơ chế mở cửa, hết sức tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tới thuê các dịch vụ. Điều này khó có thể tránh được những tiêu cực thường có trong nền kinh tế thị trường là bản thân công ty đang bị các doanh nghiệp chiếm dụng vốn tương đối nhiều, khách hàng cố ý dây dưa công nợ khiến cho doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Dù vậy công ty vẫn chưa có biện pháp thu nợ hiệu quả

+ Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán, kế toán mới chỉ làm kế toán Excel công việc kế toán vừa tiến hành bằng máy vừa viết bằng tay nên đôi khi còn trùng lặp

3.3 MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY

3.3.1 Yêu cầu của hoàn thiện

Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp và phải nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp. Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Các thông tin kế toán phải xác thực, phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều phải có một cơ chế quản lý tài chính nhất định và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt

buộc phải đập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Cảng Vật Cách, em mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Sau một thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty Cổ phần Cảng Vật Cách em xin đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Ý kiến của em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất xong em hy vọng sẽ đóng góp phần phần nào đó vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty và giúp công tác kế toán này phù hợp hơn với chế độ quy định

Ý kiến 1: công ty nên sử dụng tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại” để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn
Nội dung của TK 521:

Bên Nợ:

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên Có:

Cuối kì kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kì báo cáo

Phương pháp hạch toán kế toán của TK 521:

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kì:

Nợ TK 521

Nợ TK 3331

Có TK 111,112....

Cuối kì, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho người mua phát sinh trong kì sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 511

Có TK 521

+ Công ty nên sử dụng tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán” để phản ánh khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Nội dung của TK 532:

Bên Nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Bên Có:

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Phương pháp hạch toán kế toán của TK 532

Khoản giảm giá hàng bán cho người mua về số lượng hàng đã bán do kém, mất phẩm chất, sai quy cách hợp đồng

Nợ TK 532

Nợ TK 3331

Có TK 111,112,131....

Cuối kì kế toán, kết chuyển tổng số giảm giá hàng bán phát sinh trong kì sang Tài khoản “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Nợ TK 511

Có TK 532

Ý kiến 2: Doanh nghiệp nên sử dụng tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng” để phản ánh những chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, quảng cáo, giới thiệu sản

phẩm ...

Nội dung của TK 641 như sau:

Bên Nợ:

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Bên Có:

Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kì

Các chi phí được phản ánh vào TK 641 gồm:

- + *Chi phí nhân viên bán hàng*
- + *Chi phí vật liệu, bao bì*: Là các khoản chi phí về vật liệu để đóng gói, bảo quản sản phẩm hàng hóa, vật liệu dùng sửa chữa TSCĐ dùng cho quá trình bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển hàng sản phẩm hàng hóa
- + *Chi phí khấu hao TSCĐ*: Để phục vụ cho quá trình tiêu thụ hàng hóa và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ
- + *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Là các khoản chi phí mua phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như thuê nhà kho, thuê tài sản...
- + *Chi phí bằng tiền khác*: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ như: chi hội nghị khách hàng, quảng cáo giới thiệu sản phẩm hàng hóa....

TK 641 được mở chi tiết 7 TK cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên
- + TK 6412: Chi phí vật liệu
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415: Chi phí bảo hành
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản 641 không có số dư cuối kì

Phương pháp hạch toán của TK 641 trong trường hợp chi phí tiếp khách hàng, hội

ngiht khách hàng, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm như sau:

Nợ TK 641

Nợ TK 133

Có TK 111,112,331..

Ý kiến 3:

✧ Doanh thu có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của công ty. Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho công ty có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Để làm được điều đó công ty cần xem xét một số biện pháp sau:

+ Việc thay đổi giá bán nguyên vật liệu, giá cước xếp dỡ...cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tăng doanh thu. Việc thay đổi giá cước...một phần quan trọng do quan hệ cung cầu trên thị trường quy định. Do vậy, để đảm bảo doanh thu công ty, công ty cần có những quy định cụ thể về giá cả.Làm sao cho giá cả phải bù đắp được chi phí đã tiêu hao và tạo nên lợi nhuận thỏa đáng cho công ty

+ Ngoài ra, phụ thuộc vào khối lượng công việc hoàn thành. Nếu công ty chuẩn bị tốt việc kí hợp đồng với các bên mua hàng và các bên cần vận chuyển hàng hóa, dịch vụ một cách nhanh chóng, thanh toán dưới nhiều hình thức thích hợp, giữ vững kỉ luật thanh toán với khách hàng, tính toán xác định khối lượng công việc hoàn thành...thì sẽ làm tăng doanh thu của công ty.

✧ Hiện nay, công ty có rất nhiều đối thủ cạnh tranh. Vì vậy để thu hút khách hàng công ty nên nâng cao năng lực bốc xếp, chất lượng dịch vụ hơn nữa. Tăng khối lượng bốc xếp hàng hóa, các loại hình dịch vụ kho bãi nhằm tăng doanh thu:

+ Đảm bảo yêu cầu về thời gian cho khách hàng luôn đảm bảo giải phóng tàu đúng tiến độ, chất lượng tốt, giao nhận hàng đúng thời gian quy định trong hợp đồng kí kết tạo niềm tin cho khách hàng

+ Công tác bảo quản hàng hóa luôn được đảm bảo, giảm thiểu tối đa sự mất mát hư hỏng đối với hàng lưu kho. Thực hiện giao đúng, giao đủ đền bù mọi thanh toán nếu có hư hại mất mát xảy ra

+ Thực hiện xuất nhập cảng nhanh chóng, thuận tiện không lườm rà, tiết kiệm được thời gian cho doanh nghiệp và cho khách hàng

+ Những khách hàng không có phương tiện vận tải công ty có thể vận chuyển

cho khách hàng với giá ưu đãi

Ý kiến khác :

✧ *Thu hồi công nợ*

+ Cần có các quy định cụ thể trong việc thanh toán như áp dụng chặt chẽ thanh toán thưởng phạt nghiêm minh, từ mềm mỏng đến cứng rắn để thu hồi nợ. Các biện pháp phải đảm bảo hai nguyên tắc: Lợi ích của công ty không bị xâm phạm, đồng thời không bị mất đi bạn hàng

+ Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng thường xuyên, một số khách hàng thường xuyên của công ty như Công ty cổ phần vận tải 1 Tra co, Công ty cổ phần Vico Phương Nam, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Thái Hà, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Tuấn Cường.....có uy tín, thanh toán luôn đúng và trước hạn. Còn đối với việc trả chậm sau hạn có thể tính lãi hay phạt... có như vậy công ty mới nhanh chóng thu hồi được vốn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

✧ *Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán để xử lý số liệu nhanh chóng, chính xác và thuận tiện hơn*

Để đảm bảo cho quá trình cập nhật số liệu, cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, thuận tiện và giảm bớt đi phần công việc của kế toán. Công ty nên áp dụng kế toán máy bằng các phần mềm kế toán như: Phần mềm kế toán Misa, Phần mềm kế toán Sasinova, Phần mềm kế toán Acsoft...Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể áp dụng tại công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán nhằm giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp, gây mất thời gian, đôi khi còn sai lệch số liệu, giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu tính toán, tổng hợp một cách đơn điệu, nhàm chán, để họ dành nhiều thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, công ty nên sử dụng kế toán máy

Ứng dụng máy vi tính trong công tác kế toán ở Việt Nam là một vấn đề đang được các nhà quản lý và nhiều người có nhiệm vụ kế toán quan tâm. Khi áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán thì công ty phải chuẩn bị các điều kiện cần

thiết về máy tính, chương trình kế toán máy, nhân viên kế toán làm nhiệm vụ nhập dữ liệu vào máy.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh như sau:

Việc tổ chức, ghi chép, hạch toán vào sổ kế toán tài chính do máy nhận dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào

Cuối kì, các bút toán kết chuyển vào máy, tự động xử lý và hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng máy sẽ khai báo với máy những yêu cầu cần thiết(Sổ cái, Báo cáo doanh thu, Báo cáo kết quả kinh doanh..) máy sẽ tự động xử lý và đưa ra những thông tin mà kế toán yêu cầu.

KẾT LUẬN

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao. Trong công tác quản lý kinh tế, đặc biệt trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán giữ vai trò hết sức quan trọng quyết định đến sự thành công hay thất bại của một doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Do vậy để kế toán phát triển được vai trò này thì việc thực hiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một điều tất yếu. Trên góc độ người cán bộ kế toán, em nghĩ rằng cần phải nhận thức đầy đủ về lý luận và thực tế có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong quá trình thực tập tốt nghiệp dưới sự chỉ bảo tận tình của giáo viên hướng dẫn TS. Giang Thị Xuyên và các anh chị phòng kế toán tại Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “ **Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách**”.

Sinh viên thực hiện

Đỗ Thị Hương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – NXB tài chính
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) – BCTC chứng từ và sổ kế toán, Sơ đồ kế toán – NXB tài chính
3. QĐ số 15/2006 QĐ- BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.
4. Trang [www. Webketoan.com.vn](http://www.Webketoan.com.vn)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	3
1.1.1 Lý luận chung về doanh thu	3
1.1.1.1 Khái niệm về doanh thu	3
1.1.1.2 Các loại doanh thu:.....	3
1.1.1.3 Điều kiện và phương pháp ghi nhận doanh thu:	4
1.1.1.4 Ý nghĩa và vai trò của doanh thu	6
1.1.2 Lý luận chung về xác định kết quả kinh doanh	7
1.1.2.1 Khái niệm xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.1.2.2 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.1.2.3 Ý nghĩa và vai trò việc xác định kết quả kinh doanh	8
1.1.2.4 Chi phí liên quan để xác định kết quả kinh doanh	9
1.1.3 Yêu cầu quản lý, nhiệm vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.2 TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	10
1.2.1 Tổ chức công tác kế toán doanh thu.....	10
1.2.2 Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh	23
1.2.2.1 Giá vốn hàng bán.....	25
1.2.2.2 Chi phí bán hàng	29
1.2.2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31
1.2.2.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33
1.3 HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN SỬ DỤNG TẠI	
Chương 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH.....	36

2.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH.....	36
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Cảng Vật Cách	36
2.1.2 Tình hình của doanh nghiệp khi tiến lên cổ phần hóa	37
2.1.3 Đặc điểm sản xuất kinh doanh và cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần Cảng Vật Cách.....	38
2.1.3.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh	38
2.1.3.2 Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty.....	39
2.1.4 Cơ cấu tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Cảng Vật Cách	41
2.1.4.1 Đặc điểm, nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán của công ty	41
2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng.....	42
2.1.4.3 Hình thức sổ kế toán.....	43
2.2 THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	44
2.2.1 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần Cảng Vật Cách.....	44
2.2.1.1 Đặc điểm doanh thu tại công ty Cổ phần Cảng Vật Cách	44
2.2.1.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45
2.2.1.3 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính	57
2.2.1.4 Thực trạng tổ chức công tác kế toán thu nhập khác.....	60
2.2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	65
2.2.2.1 Thực trạng tổ chức công tác kế toán các khoản chi phí.....	65
2.2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh	76
Chương 3 MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH.....	83
3.1 NHẬN XÉT CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VẬT CÁCH.....	83

3.2 NHẬN XÉT VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY	83
3.2.1 Những ưu điểm đạt được.....	83
3.2.2 Những hạn chế	86
3.3 MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY	87
3.3.1 Yêu cầu của hoàn thiện	87
3.3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh	88
KẾT LUẬN	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO	95